

SỔ TAY

**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Mã số: TPC/K - 17 - 32

4500-2017/CXBIPH/02-351/TP

**BỘ TƯ PHÁP
VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

SỔ TAY

**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI - 2017**

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

TS. Phan Chí Hiếu - Thứ trưởng Bộ Tư pháp

TỔ CHỨC BIÊN SOẠN

TS. Đỗ Xuân Lâm - Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp

ThS. Phan Hồng Nguyên - Phó Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp

THAM GIA BIÊN SOẠN

ThS. Nguyễn Thị Thạo

ThS. Nguyễn Thị Tâm

ThS. Lê Nguyên Thảo

CN. Hoàng Việt Hà

LỜI GIỚI THIỆU

Để thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, các luật có liên quan về quyền tiếp cận thông tin pháp luật của công dân, trên cơ sở tổng kết và rút kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, Bộ Tư pháp đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Với mục đích giúp cơ quan, đơn vị, công chức theo dõi, tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hiểu thêm về các quy định của pháp luật và có một số kỹ năng thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, gắn kết với xây dựng nông thôn mới, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp đã biên soạn ***“Sổ tay hướng dẫn xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”*** (sau đây gọi tắt là cấp xã).

Sổ tay gồm năm phần:

- Phần thứ nhất: Những vấn đề chung về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Phần thứ hai: Hướng dẫn đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Phần thứ ba: Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật;

- Phần thứ tư: Quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Phần thứ năm: Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí thành phần 18.5 về “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Bên cạnh đó, Sổ tay còn có các phụ lục về điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; các biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; các biểu mẫu về Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và Danh mục văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Do xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một vấn đề mới, phức tạp nên mặc dù tập thể tác giả đã cố gắng biên soạn cuốn Sổ tay theo hướng cụ thể, khoa học, dễ hiểu, dễ áp dụng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Tập thể tác giả mong muốn nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu!

Hà Nội, tháng 12 năm 2017

VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

VỀ XÂY DỰNG CẤP XÃ

ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. MỤC TIÊU, VAI TRÒ CỦA XÂY DỰNG CẤP XÃ

ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

Xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hướng tới các mục tiêu sau:

1.1. Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã.

1.2. Tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật; tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.

1.3. Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

1.4. Góp phần thúc đẩy, thực hiện toàn diện mục tiêu xây

dựng nông thôn mới và xây dựng đô thị văn minh. Hiện nay, tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (tiêu chí thành phần 18.5 trong Tiêu chí 18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật). Việc đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới; là tiêu chí đánh giá phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”. Để thực hiện tiêu chí này trong xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020¹ đề ra một nhiệm vụ “đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân”.

2. Vai trò

Việc triển khai thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật sẽ đem lại những tác động tích cực, cụ thể như sau:

2.1. Đối với quản lý nhà nước: thực hiện nhiệm vụ này sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, đội ngũ cán bộ công chức trong thực thi công vụ; góp phần giữ gìn trật tự, kỷ cương, bảo vệ trật tự an toàn xã hội.

2.2. Đối với xã hội: thực hiện nhiệm vụ này nhằm bảo đảm thực hiện tốt hơn các quyền con người, quyền công dân; duy trì xã hội phát triển ổn định, bền vững; phòng ngừa, hạn chế xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn, không để xung đột nảy sinh tạo thành xung đột xã hội...

¹ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của địa phương.

2. Bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch trong đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về thực hiện thủ tục hành chính; đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; phân công trách nhiệm, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Gắn kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới và phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”; và đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã.

III. TỔNG QUÁT VỀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Cơ sở pháp lý

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phù hợp với thực tế, trên cơ sở tổng kết thực tiễn và bài học kinh nghiệm qua 03 năm thực hiện Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và 02 năm triển khai thí điểm đánh giá,

công nhận địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 5 địa phương, ngày 08/5/2017 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 619/QĐ-TTg ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây viết tắt là Quyết định số 619/QĐ-TTg). Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2017/TT-BTP).

Ngày 16/8/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 96/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp (sau đây viết tắt là Nghị định số 96/2017/NĐ-CP), trong đó xác định xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một trong các nhiệm vụ quản lý nhà nước và giao Bộ Tư pháp chủ trì, hướng dẫn thực hiện.

Ngoài ra, đối với xã, do xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí thành phần thuộc Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật) của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 nên việc triển khai thực hiện nhiệm vụ này còn được quy định tại một số văn bản về xây dựng nông thôn mới như: Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (trong đó giao Bộ Tư pháp chủ trì, hướng dẫn thực hiện đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân), Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành

Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Theo Nghị định số 96/2017/NĐ-CP, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Điều 4 Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm:

2.1. Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân;

2.2. Tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

2.3. Rà soát, đánh giá việc thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật; công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề ra giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở;

2.4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

2.5. Lòg ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xóa đói, giảm nghèo;

2.6. Sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3. Các tiêu chí tiếp cận pháp luật

3.1. Nội dung của các tiêu chí: Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định 05 tiêu chí thành phần cấu thành tiêu chí tiếp cận pháp luật. Đây là công cụ để đánh giá kết quả, là cơ sở để xác định trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong thực thi công vụ. Kết quả đánh giá là cơ sở để xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật

Tiêu chí này gồm 03 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 15 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của cấp xã và kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

Tiêu chí này gồm 05 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 30 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công khai thủ tục hành chính; bảo đảm nguồn lực (bố trí địa điểm, công chức) để tiếp nhận, giải quyết các thủ tục

hành chính theo thẩm quyền; kết quả giải quyết các thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật

Tiêu chí này gồm 09 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 25 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân; cung cấp thông tin pháp luật; lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách pháp luật mới cho cán bộ, công chức; triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân, đối tượng đặc thù; sử dụng các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật; đối thoại chính sách, pháp luật; bảo đảm kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở

Tiêu chí này gồm 03 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 10 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về thành lập, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải; bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ hòa giải, nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở; giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; bố trí kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải.

- Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở

Tiêu chí này gồm 05 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 20 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện

các nhiệm vụ về công khai, minh bạch các nội dung về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định; kết quả thực hiện các nội dung cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp hoặc được bàn, biểu quyết đề cơ quan có thẩm quyền quyết định; Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát.

3.2. Cách chấm điểm, đánh giá các tiêu chí tiếp cận pháp luật: Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục I Phần thứ hai “Hướng dẫn đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” của Sổ tay này.

4. Đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

4.1. Thời hạn thực hiện

Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định thời hạn thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm: (1) Thời hạn để xác định kết quả, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và (2) Thời hạn thực hiện quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Việc áp dụng các thời hạn nêu trên được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục III Phần thứ hai “Hướng dẫn đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” của Sổ tay này.

4.2. Điều kiện xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi

có đủ các điều kiện sau đây (được cụ thể hóa tại Mục II Phần thứ hai của Sổ tay):

(1) Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa;

(2) Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại I, từ 80% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại II và từ 70% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại III;

(3) Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã phải đạt từ 80% tổng số điểm tối đa trở lên;

(4) Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

4.3. Cách thức, quy trình đánh giá

a) Cách thức đánh giá: Cấp xã tự đánh giá thông qua chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính. Cấp huyện đánh giá, xem xét công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Quy trình đánh giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV Phần thứ hai “Hướng dẫn đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” của Sổ tay này.

5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ

5.1. Bộ Tư pháp: Là cơ quan tham mưu, giúp Thủ tướng

Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên phạm vi cả nước.

5.2. Các bộ, cơ quan ngang bộ: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, thống kê, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật liên quan đến phạm vi quản lý.

5.3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho thành viên, hội viên; giám sát, phản biện xã hội, vận động thành viên, hội viên tham gia xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính; phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ này.

5.4. Ủy ban nhân dân các cấp: Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong phạm vi quản lý tại địa phương.

Cơ quan Tư pháp các cấp ở địa phương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong phạm vi quản lý tại địa phương.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật

1.1. Tổng điểm tối đa: 15 điểm

1.2. Số lượng chỉ tiêu: 03

1.3. Mục đích chấm điểm: Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm trong việc ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của cấp xã, kế hoạch triển khai thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

1.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điều mới thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15			
Chi tiêu 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ	4			
	1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy	1	Công chức Văn phòng - Thống kê	Điều 4, Điều 30 Luật Ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật theo

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	định những vấn đề được luật giao <i>(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật không giao được tính 01 điểm)</i>			văn bản quy phạm pháp luật năm 2015	thẩm quyền để quy định những vấn đề mà luật giao đã được ban hành
	a) Ban hành đầy đủ, đúng tiến độ	1			
	b) Ban hành đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ	0,5			
	c) Không ban hành	0			
	2. Ban hành kế hoạch, văn bản khác triển khai nhiệm vụ được	1	Công chức Văn phòng - Thống kê	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo,	Kế hoạch, văn bản được ban hành

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>giao đề thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên đúng yêu cầu, tiến độ</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số kế hoạch, văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra/Tổng số kế hoạch, văn bản khác được giao ban hành) x 100</i></p>			hướng dẫn của cấp trên	
	<p>3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác nêu trên</p>	2	Công chức Văn phòng - Thống kê	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên	<p>- Văn bản, kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ</p> <p>- Các số liệu, kết quả cụ thể thực hiện văn bản</p>

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
					quy phạm pháp luật, văn bản khác
	a) Tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định	2			
	b) Tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời hoặc không đúng quy định hoặc tổ chức thực hiện kịp thời nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chất lượng	1			
	c) Không tổ chức thực hiện	0			
Chỉ tiêu 2	An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội	6	Trưởng Công an cấp xã	Văn bản của Đảng ủy, Ủy ban nhân	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm chế, có giảm so với năm trước</p>			<p>trên hoặc Công an cấp trên</p>	
	<p>1. Ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã</p>	<p>1</p>			<p>Văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã được ban hành</p>

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	2. Tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã	2			Báo cáo, số liệu về tình hình tội phạm hằng năm
	3. Kiểm chế, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn	3			Báo cáo, số liệu về tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội hằng năm
	4. Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá bị 0 điểm và còn bị trừ 0,25 điểm				Báo cáo, số liệu về tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội hằng năm
Chi tiêu 3	Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có	5		Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố	Số liệu trong Sổ theo dõi tình hình tiếp nhận,

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước</p>			<p>cáo năm 2011, văn bản hướng dẫn các luật và văn bản khác có liên quan</p>	<p>giải quyết khiếu nại, tố cáo; báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo</p>
	<p>1. Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn</p> <p>$Tỷ\ lệ\ \% = \frac{(Tổng\ số\ khiếu\ nại,\ tố\ cáo\ được\ giải\ quyết\ đúng\ trình\ tự,\ thủ\ tục,\ thời\ hạn)}{Tổng\ số\ khiếu\ nại,\ tố\ cáo\ được\ tiếp\ nhận,\ giải\ quyết\ theo\ thẩm\ quyền} \times 100$</p>	3	<p>Công chức được giao đầu mối theo dõi, tham mưu công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</p>		

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	2. Về khiếu nại, tố cáo kéo dài	1	Công chức được giao đầu mối theo dõi, tham mưu công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
	a) Không có khiếu nại, tố cáo kéo dài	1			
	b) Giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0,5			
	c) Không giảm hoặc tăng khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	3. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân	1	Công chức được giao đầu mối theo dõi, tham mưu về công tác tiếp công dân		
	3.1. Bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định	0,5			
	3.2. Kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được cấp xã giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật	0,5			

1.5. Một số lưu ý:

- Có 01 chỉ tiêu vì lý do khách quan không thực hiện nhưng vẫn đạt điểm tối đa là Chỉ tiêu 1 (trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật giao thì vẫn được điểm tối đa là 01 điểm).

- Có 01 nội dung mà không thực hiện sẽ bị điểm 0 và trừ 0,25 điểm là nội dung 4 của Chỉ tiêu 2 (Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá).

2. Tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

1.1. Tổng điểm tối đa: 30 điểm

1.2. Số lượng chỉ tiêu: 05

1.3. Mục đích chấm điểm: Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ trong việc bảo đảm các điều kiện phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; thực thi công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính; thực trạng và kết quả giải quyết các thủ tục hành chính.

1.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 2	Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	30			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Chi tiêu 1	Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính	4	Công chức Văn phòng - Thống kê	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP; Thông tư số 05/2014/TT-BTP ²	Sổ theo dõi tình hình niêm yết thủ tục hành chính
	1. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thủ tục hành chính</i>	2			

² Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các văn bản khác có liên quan.

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>đã niêm yết công khai/Tổng số thủ tục hành chính phải niêm yết công khai) x 100</i>				
	2. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời theo quy định	1			
	a) Niêm yết công khai thủ tục hành chính đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	1			
	b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính trong thời hạn 10	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành				
	c) Niêm yết công khai thủ tục hành chính sau 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0			
	3. Thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định	1			
	3.1. Niêm yết theo các hình thức quy định (bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...)	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	3.2. Niêm yết tại địa điểm phù hợp, dễ tiếp cận	0,5			
Chỉ tiêu 2	Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định	2	Công chức Văn phòng - Thống kê	Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg; Thông tư số 06/2012/TT-BNV... ³	Báo cáo, số liệu, kết quả thực tiễn
	1. Đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5			
	a) Đảm bảo diện tích theo quy định	0,5			

³ Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và các văn bản khác có liên quan.

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	b) Không đảm bảo diện tích theo quy định	0,25			
	2. Đảm bảo trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5			
	a) Đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,5			
	b) Chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,25			
	3. Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định	1			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>4. Không bố trí, không đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm quy định tại điểm 1, 2, 3 của chỉ tiêu này bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm</p>				
<p>Chỉ tiêu 3</p>	<p>Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định</p>	<p>10</p>	<p>Công chức được giao đầu mối tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm</p>	<p>Các luật, văn bản pháp luật quy định về trình tự, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã</p>	<p>Sổ theo dõi, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Báo cáo, số liệu về kết quả giải quyết thủ tục hành chính</p>

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
			quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã; công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã		
	<p>Thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số lượt thủ tục hành chính đã giải quyết đúng trình tự, thủ</i></p>	10			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>tục, thời hạn/Tổng số lượt thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết) x 100</i>				
Chỉ tiêu 4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định	2	Công chức được giao đầu mối tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền	Luật Tiếp công dân năm 2013, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ⁴ , Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức...	Báo cáo, số liệu, kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính

⁴ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
			của Ủy ban nhân dân cấp xã; công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã		
	Phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý đúng trình tự, thủ tục, thời hạn <i>(Trong năm đánh giá</i>	2			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p><i>không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tính 02 điểm)</i></p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, giải quyết) x 100</i></p>				
Chỉ tiêu 5	Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái	12	Công chức Bộ phận tiếp nhận,	Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BTP	Sổ theo dõi kết quả giải quyết thủ tục

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính		trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch, công chức chuyên môn khác của cấp xã		hành chính; báo cáo, số liệu, kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính
	1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả	7			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	kết quả $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{\text{(Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng/Tổng số ý kiến được hỏi)} \times 100}{100}$				
	2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{\text{(Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng/Tổng số ý kiến được hỏi)} \times 100}{100}$	5			

1.5. Một số lưu ý:

- Có 01 chỉ tiêu được tính điểm tối đa nếu không phát sinh nhiệm vụ, đó là Chỉ tiêu 4 (trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh về giải quyết thủ tục hành chính thì được tính điểm tối đa là 02 điểm).

- Có 01 nội dung bị điểm 0 và bị trừ 0,25 điểm, đó là nội dung 4 của Chỉ tiêu 2 (nếu không bố trí, không đảm bảo yêu cầu về địa điểm, diện tích, trang thiết bị và trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã thì bị điểm 0 và bị trừ 0,25 điểm).

- Đối với chỉ tiêu 5: Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính vừa là chỉ tiêu của Tiêu chí 2 vừa là điều kiện xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3. Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật

3.1. Tổng điểm tối đa: 25 điểm

3.2. Số lượng chỉ tiêu: 09

3.3. Mục đích chấm điểm: Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm, thực hiện các quyền của công dân về tiếp cận thông tin, pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật, tham gia ý kiến vào chính sách, pháp luật và quản lý xã hội; bảo đảm nguồn lực về phổ biến, giáo dục pháp luật.

3.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 3	Phổ biến, giáo dục pháp luật	25			
Chi tiêu 1	Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn	2	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 17, 18 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; Điều 6 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007	Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định; báo cáo, số liệu, kết quả về công khai thông tin thông

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	(trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã				qua người phát ngôn, hình thức phù hợp khác
	1. Thực hiện công khai theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai <i>Tỷ lệ % =</i>	1			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>(Tổng số văn bản đã thực hiện công khai/Tổng số văn bản theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai) x 100</i>				
	2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn, hình thức	1			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai				
	2.1. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn	0,5			
	2.2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng hình thức	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Chi tiêu 2	<p>Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định</p>	2	<p>Công chức Văn phòng - Thống kê</p>	<p>Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; Luật Báo chí năm 2016; Điều 32 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2012...</p>	<p>Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả thực hiện cung cấp thông tin</p>
	<p>Thực hiện cung cấp thông tin pháp luật qua các hình thức cung cấp</p>	2			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>thông tin theo quy định và qua hoạt động của người phát ngôn</p> <p><i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 02 điểm)</i></p> <p>Tỷ lệ % = <i>(Tổng số thông tin pháp luật đã cung cấp/Tổng số thông tin pháp</i></p>				

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>luật có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>				
Chi tiêu 3	Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên	2	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Điều 30, Điều 142 và Điều 144 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; văn bản chỉ đạo, kế hoạch về lấy ý kiến Nhân dân của cơ quan, tổ chức cấp trên	Báo cáo tổng hợp/Báo cáo, tài liệu, số liệu, kết quả lấy ý kiến Nhân dân

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	a) Lấy ý kiến Nhân dân đối với tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên	2			
	b) Lấy ý kiến Nhân dân đối với một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	1			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	c) Không tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong khi yêu cầu phải lấy ý kiến	0			
	<i>Trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tính 02 điểm</i>				

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Chi tiêu 4	<p>Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã</p>	2	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, văn bản, kế hoạch, chỉ đạo của cấp trên, của Ủy ban nhân dân cấp xã</p>	<p>Kế hoạch, báo cáo, số liệu thống kê, kết quả quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã</p>
	<p>a) Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, kịp thời</p>	2			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	các văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bằng hình thức thích hợp				
	b) Tổ chức quán triệt, phổ biến một số văn bản, chính	1			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ công chức cấp xã				
	c) Không tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực	0			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã				
Chi tiêu 5	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp	4	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; văn bản chỉ đạo, kế hoạch PBGDPL của cấp trên, của Ủy ban nhân dân cấp xã	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân
	1. Ban hành Kế hoạch phổ	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	biển, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm				
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch đề ra	3,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	3,5			
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5			
	c) Tổ chức thực hiện	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch				
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0			
Chi tiêu 6	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các	2	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; văn bản chỉ đạo, kế hoạch PBGDPL của cấp trên, của Ủy	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả thực hiện phổ biến,

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật</p>			ban nhân dân cấp xã	giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù
	<p>1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng</p>	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm				
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra	1,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5			
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1			
	c) Tổ chức thực hiện	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch				
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0			
Chỉ tiêu 7	Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ	6	Công chức chuyên môn theo dõi	Các văn bản quy định về các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật ⁵	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả hoạt

⁵ Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã		các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cấp xã		động của các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật
	1. Xây dựng, thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo	2	Công chức Văn hóa - Xã hội		

ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở.

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở (cố định hoặc lưu động) hoặc thiết kế thông tin cơ sở phù hợp theo định kỳ</p>				
	<p>a) Thực hiện hàng tuần và nội dung</p>	2			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	thiết thực, đa dạng				
	b) Thực hiện hàng tháng và nội dung thiết thực, đa dạng	1			
	c) Thực hiện hàng quý và nội dung thiết thực, đa dạng	0,5			
	d) Không thực hiện theo định kỳ và nội dung không thiết thực, đa dạng	0			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>2. Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả Tủ sách pháp luật (truyền thống hoặc điện tử), Tủ sách cơ sở ở cấp xã theo quy định</p>	3	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch hoặc công chức được giao đầu mối quản lý, hướng dẫn khai thác Tủ sách pháp luật</p>		
	<p>2.1. Bố trí địa điểm thuận tiện, phân công người phụ</p>	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	trách và quản lý, sử dụng Tủ sách theo quy định				
	2.2. Định kỳ thực hiện rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu của Tủ sách theo quy định	0,5			
	2.3. Sử dụng máy tính nối mạng internet, hệ thống	1			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	cơ sở dữ liệu pháp luật để tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật cho Tủ sách				
	2.4. Thực hiện thông tin, giới thiệu các sách, tài liệu mới, có nội dung thiết thực với Nhân dân trên các phương tiện thông	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	tin đại chúng trên địa bàn; luân chuyển sách, tài liệu của Tủ sách với các mô hình tủ sách tự quản/thư viện/điểm bưu điện - văn hóa để Nhân dân tiếp cận sách, tài liệu được thuận tiện, kịp thời				

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>2.5. Xây dựng, duy trì một trong các mô hình Tủ sách/ngăn sách/túi sách pháp luật tại cộng đồng dân cư (Tủ sách của thôn, tổ dân phố; Tủ sách khu nhà trọ; Tủ sách quán cà phê...) trên địa bàn</p>	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>3. Xây dựng, hỗ trợ hoạt động Câu lạc bộ nhằm thực hiện phổ biến, tiếp cận pháp luật cho người dân (Câu lạc bộ pháp luật; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh</p>	1	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>		

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	niên, cựu chiến binh, hòa giải ở cơ sở hoặc Câu lạc bộ khác)				
	3.1. Hằng năm có định hướng nội dung hoạt động của Câu lạc bộ	0,5			
	3.2. Hằng năm có hỗ trợ hoạt động của Câu lạc bộ (kinh phí, tài liệu...),	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	hỗ trợ sinh hoạt pháp luật định kỳ có hiệu quả, thiết thực				
Chỉ tiêu 8	Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương	2	Công chức được giao đầu mối, tham mưu thực hiện nhiệm vụ đối thoại chính sách	Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, văn bản hướng dẫn, quy định về đối thoại	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả tổ chức đối thoại
	1. Tổ chức	2			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật, lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân địa phương				
	2. Không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm				

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Chi tiêu 9	Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định	3	Công chức Tài chính - Kế toán chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch	Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ⁶ , văn bản quy định về kinh phí bảo đảm công tác PBGDPL của địa phương, quy định có liên quan	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả, văn bản phê duyệt kinh phí
	1. Ngân sách cấp xã hàng năm có kinh phí cho bảo	1			

⁶ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật				
	<p>2. Định mức kinh phí ngân sách bảo đảm hằng năm</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số kinh phí được cấp/Tổng số kinh phí đề xuất với các mức chi và nội dung chi</i></p>	2			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>theo quy định của pháp luật về tài chính để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt) x 100</i>				
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm				

3.5. Một số lưu ý:

- Có 02 chỉ tiêu được tính điểm tối đa nếu không phát sinh nhiệm vụ trong năm đánh giá, đó là Chỉ tiêu 2 (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính điểm tối đa là 02 điểm) và Chỉ tiêu 3 (Trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tính điểm tối đa là 02 điểm).

- Có 02 nội dung bị điểm 0 và trừ 0,25 điểm, đó là nội dung 2 của Chỉ tiêu 8 (Không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định) và nội dung 3 của Chỉ tiêu 9 (Không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật).

4. Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở

4.1. Tổng điểm tối đa: 10 điểm

4.2. Số lượng chỉ tiêu: 03

4.3. Mục đích chấm điểm: Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm trong việc thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản hướng dẫn, văn bản khác có liên quan, trọng tâm là năng lực của đội ngũ hòa giải viên cơ sở, chất lượng công tác hòa giải và bố trí kinh phí cho công tác này tại cơ sở.

4.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 4	Hòa giải ở cơ sở	10			
Chi tiêu 1	Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở	3	Công chức Tur pháp - Hộ tịch	Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và văn bản khác có liên quan	Văn bản, báo cáo, số liệu, kết quả về việc công tác hòa giải ở cơ sở

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>1. Hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên (Trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên được tính 01 điểm)</p>	1			
	<p>2. Hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật</p>	0,5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định				
	3. Hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở	0,5			
	4. Hòa giải viên được bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã thực hiện	1			
Chi tiêu 2	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi	4	Công chức Tư	Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, các văn	Báo cáo kết quả và sổ

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên</p>		<p>pháp - Hộ tịch</p>	<p>bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và văn bản khác có liên quan</p>	<p>theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở</p>
	<p>1. Các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải/Tổng số vụ, việc được tiếp nhận</i></p>	<p>2</p>			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>thuộc phạm vi hòa giải theo quy định) x 100</i>				
	<p>2. Các vụ, việc hòa giải thành</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i></p>	2			
Chi tiêu 3	Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định	3	Công chức Tài chính - Kế toán	Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số	Báo cáo thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
			chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch	100/2014/TTLT-BTC-BTP ⁷	công tác hòa giải ở cơ sở; văn bản của địa phương quy định về định mức và kinh phí bảo đảm, hỗ trợ hoạt động hòa giải cơ sở
	1. Ngân sách	1			

⁷ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	cấp xã hàng năm có kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở				
	2. Hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên	2			
	2.1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải	1			
	a) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo đúng định mức quy định	1			
	b) Hỗ trợ kinh	0.5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo định mức thấp hơn định mức quy định				
	2.2. Chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc	1			
	a) Chi thù lao hòa giải viên cho tất cả vụ, việc hòa giải theo đúng định mức quy định	1			
	b) Chi thù lao hòa giải viên cho một số vụ, việc	0.5			

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	hòa giải hoặc chi thù lao với định mức thấp hơn định mức quy định				
	<p>3. Không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm</p>				

4.5. Một số lưu ý:

- Có 01 nội dung được tính điểm tối đa nếu không phát sinh nhiệm vụ, đó là nội dung 1 của Chỉ tiêu 1 (Nếu trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên thì được tính điểm tối đa là 01 điểm).

- Có 01 nội dung sẽ bị 0 điểm và trừ 0,25 điểm, đó là nội dung 3 của Chỉ tiêu 3 (Không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc).

5. Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở

5.1. Tổng điểm tối đa: 20 điểm

5.2. Số lượng chỉ tiêu: 05

5.3. Mục đích chấm điểm: Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 nhằm bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy dân chủ tại cơ sở theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát.

5.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20			
Chỉ tiêu 1	Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3 <i>Tỷ lệ % = Tổng số nội dung</i>	4	Công chức được giao theo dõi, hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở	Điều 5, Chương II Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 ⁸	Báo cáo, số liệu thể hiện việc công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở

⁸ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>đã công khai/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế x 100</i>				
Chỉ tiêu 2	Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở <i>Tỷ lệ % =</i>	4	Công chức được giao theo dõi, hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở	Điều 10, mục 1, Chương III Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007	Báo cáo, số liệu, tài liệu, biên bản thể hiện việc cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>(Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp phát sinh trên thực tế) x 100</i>				các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở
Chỉ tiêu 3	Cử tri hoặc cử tri đại diện	4	Công chức được	Điều 13 Mục 2, Chương III	Báo cáo, số liệu, tài liệu,

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc</i></p>		giao theo dõi, hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở	Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007	biên bản thể hiện việc cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế) x 100</i>				
Chỉ tiêu 4	Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở	4	Công chức được giao theo dõi, hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở	Điều 19 Chương IV Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007	Báo cáo, số liệu, tài liệu, biên bản thể hiện việc Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được Nhân dân tham gia ý kiến/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải lấy ý kiến Nhân dân phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>				<p>các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p>
<p>Chi tiêu 5</p>	<p>Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư</p>	<p>4</p>	<p>Công chức được giao theo dõi, hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở</p>	<p>Điều 23 Chương V Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007</p>	<p>Báo cáo, số liệu, tài liệu, biên bản thể hiện việc Nhân dân trực tiếp hoặc</p>

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Cơ sở thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<p>của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh</p>				<p>thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p>

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	<i>tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế) x 100</i>				

6. Hướng dẫn cách tính điểm, cách làm tròn số trong chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

6.1. Về cách tính điểm

Có 02 cách tính điểm như sau:

6.1.1. Chấm điểm theo công thức được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP

Cách chấm điểm này áp dụng đối với các chỉ tiêu được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%). Trong tổng số 25 chỉ tiêu, có 17 nội dung, chỉ tiêu được chấm điểm theo công thức, bao gồm: Nội dung 2 của Chỉ tiêu 1 và nội dung 1 của Chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 1; nội dung 1 của Chỉ tiêu 1 và các Chỉ tiêu 3, 4, 5 thuộc Tiêu chí 2; nội dung 1 của Chỉ tiêu 1, Chỉ tiêu 2 và nội dung 2 của Chỉ tiêu 9 thuộc Tiêu chí 3; Chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 4; các Chỉ tiêu 1, 2, 3, 4, 5 thuộc Tiêu chí 5. Theo đó, việc chấm điểm các nội dung, chỉ tiêu theo công thức như sau:

Số điểm của chỉ tiêu = (Tỷ lệ % đạt được x Số điểm tối đa của chỉ tiêu)/100

Ví dụ:

+ Tỷ lệ % đạt được của chỉ tiêu: 83,33%;

+ Số điểm tối đa của chỉ tiêu: 05 điểm;

+ Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) = $(83,33 \times 5)/100 = 4,1665$ điểm.

6.1.2. Chấm điểm dựa trên số điểm đã được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP

Cách chấm điểm này áp dụng đối với các chỉ tiêu không xác định theo tỷ lệ phần trăm (%). Theo đó, trong tổng số 25 chỉ tiêu, có 33 nội dung, chỉ tiêu được chấm điểm theo cách thức này, bao gồm: nội dung 1, 3 của Chỉ tiêu 1, Chỉ tiêu 2 và nội dung 2, 3 của Chỉ tiêu 3 thuộc tiêu chí 1; nội dung 2, 3 của Chỉ tiêu 1 và Chỉ tiêu 2 của Tiêu chí 2; nội dung 2 của Chỉ tiêu 1, các Chỉ tiêu 3, 4, 5, 6, 7, 8 và nội dung 1, 3 của Chỉ tiêu 9 thuộc Tiêu chí 3; Chỉ tiêu 1, Chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 4.

Cách chấm điểm này có 02 trường hợp cần lưu ý:

Thứ nhất, đối với các nội dung, chỉ tiêu được chấm điểm theo hướng lựa chọn phương án trả lời theo từng mức độ hoàn thành nhiệm vụ (cụ thể là: nội dung 1, 3 của Chỉ tiêu 1 và nội dung 2 của Chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 1; nội dung 2 của Chỉ tiêu 1 và nội dung 1, 2 của Chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 2; Chỉ tiêu 3, 4, nội dung 2 của Chỉ tiêu 5, nội dung 2 của Chỉ tiêu 6 và nội dung 1 của Chỉ tiêu 7 thuộc Tiêu chí 3; nội dung 2 của

Chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 4) thì cần lựa chọn một trong các phương án trả lời (a hoặc b hoặc c) và cho điểm tối đa.

Ví dụ: Năm 2018, khi tiến hành chấm điểm nội dung 1 của Chỉ tiêu 1 về “*Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao*” thuộc Tiêu chí 1, xã A đạt được kết quả thực hiện theo phương án b của nội dung này. Cách chấm điểm được tính như thế nào?

Nội dung 1 của Chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 1 (Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 07/2017/TT-BTP) có 03 phương án với mức độ đánh giá kết quả và điểm số khác nhau từ cao đến thấp, đó là:

- a) Ban hành đầy đủ, đúng tiến độ: được tính 01 điểm
- b) Ban hành chưa đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ: được tính 0,5 điểm
- c) Không ban hành: 0 điểm.

Như vậy, kết quả đạt được của xã A tương ứng với phương án 2 nên được tính 0,5 điểm.

Thứ hai, đối với các nội dung, chỉ tiêu mà tổng số điểm được tính theo hướng là tổng hợp điểm số của từng nội dung thành phần (ví dụ: nội dung 3 của Chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 1; nội dung 3 của Chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 2; nội dung 2 của Chỉ tiêu 1, nội dung 2, 3 của Chỉ tiêu 7 thuộc tiêu chí 3; mục 2.1, 2.2. nội dung 2 của Chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 4) thì tiến hành đánh giá việc thực hiện từng nội dung thành phần để cho điểm và tổng hợp điểm.

Ví dụ: Năm 2018, khi tiến hành chấm điểm nội dung 3 của Chỉ tiêu 3 về “*Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự,*

thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước” thuộc Tiêu chí 1, xã A chấm điểm nội dung này như thế nào?

Nội dung 3 của Chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 1 (Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 07/2017/TT-BTP) có 02 nội dung thành phần như sau:

3.1. Bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định: điểm tối đa là 0,5 điểm.

3.2. Kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được cấp xã giải quyết định thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật: điểm tối đa là 0,5 điểm.

Như vậy, xã A phải căn cứ vào kết quả thực tế để tiến hành đánh giá và chấm điểm đối với cả 02 nội dung thành phần tại các mục 3.1 và mục 3.2. Sau đó, cộng kết quả chấm điểm mục 3.1. và 3.2 để có được kết quả thực hiện nội dung này.

6.2. Về làm tròn số

a) Điểm số của từng chỉ tiêu được lấy đến hai chữ số thập phân. Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên.

Ví dụ: Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) là 4,4165 điểm thì số điểm của chỉ tiêu sau khi đã làm tròn là 4,42 điểm.

b) Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm

thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên:

Ví dụ:

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 89,01 đến 89,49 làm tròn là 89 điểm.

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 75,5 đến 75,99 làm tròn là 76 điểm.

II. ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg, cấp xã được xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đáp ứng đủ 04 điều kiện như sau:

1.1. Điều kiện 1. Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa

Để có đủ điều kiện, số điểm đạt được của từng tiêu chí là:

- Tiêu chí 1. Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật: đạt từ 7,5 điểm trở lên.

- Tiêu chí 2. Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã: đạt từ 15 điểm trở lên

- Tiêu chí 3. Phổ biến, giáo dục pháp luật: đạt từ 12,5 điểm trở lên

- Tiêu chí 4. Hòa giải ở cơ sở: đạt từ 5 điểm trở lên

- Tiêu chí 5. Thực hiện dân chủ ở cơ sở: đạt từ 10 điểm trở lên

Nếu có một hoặc một số chỉ tiêu, nội dung thành phần của tiêu chí đạt dưới 50% số điểm tối đa theo quy định nhưng tổng số điểm của tiêu chí đó không dưới 50% số điểm tối đa thì vẫn đáp ứng điều kiện này.

1.2. Điều kiện 2. Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt mức điểm chuẩn cụ thể như sau:

- Cấp xã loại I: đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên (≥ 90 điểm)
- Cấp xã loại II: đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên (≥ 80 điểm)
- Cấp xã loại III: đạt từ 70% số điểm tối đa trở lên (≥ 70 điểm)

Việc phân loại cấp xã loại I, loại II, loại III được thực hiện theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

1.3. Điều kiện 3. Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên). Đây còn là một chỉ tiêu của tiêu chí tiếp cận pháp luật (chỉ tiêu 5 của Tiêu chí 2). Vì vậy, kết quả đánh giá sự hài lòng vừa là điều kiện để xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã, vừa được cộng điểm để tính vào điểm số chung của các tiêu chí tiếp cận pháp luật. Điểm số tối đa của chỉ tiêu này là 12 điểm, theo đó để đảm bảo điều kiện này thì kết quả điểm số đạt được của chỉ tiêu này trên thực tế phải tương ứng từ 8 điểm trở lên.

1.4. Điều kiện 4. Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

Khi xem xét điều kiện này, cần lưu ý một số yếu tố về:

a) Hình thức xử lý kỷ luật cán bộ, công chức phải từ cảnh cáo trở lên.

b) Hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức phải liên quan đến thực thi công vụ, đó là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn không đúng quy định của pháp luật trong quá trình thực thi công vụ.

c) Hành vi công vụ trái pháp luật của cán bộ, công chức đã gây ra thiệt hại, phải bồi thường thiệt hại. Việc bồi thường này được xác định trong quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc trong bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. THỜI HẠN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Có 02 loại thời hạn có liên quan trực tiếp đến đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

1. Thời hạn được tính để đánh giá kết quả, trách nhiệm

thực hiện các nhiệm vụ đã được cụ thể hóa thành các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Thời hạn này được xác định theo năm kinh tế - xã hội, tính từ ngày 01/01 đến 31/12 hằng năm.

Việc quy định thời hạn đánh giá kết quả các tiêu chí tiếp cận pháp luật theo năm kinh tế - xã hội để bảo đảm phù hợp với thời điểm báo cáo số liệu, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của địa phương. Do đó không đòi hỏi địa phương phải xây dựng báo cáo mới mà sử dụng kết quả báo cáo nhiệm vụ chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý.

2. Thời hạn được tính để thực hiện rà soát, chấm điểm, đánh giá, xét công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

2.1. Đối với việc rà soát, chấm điểm, đánh giá các tiêu chí tiếp cận pháp luật; lập hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nếu đủ điều kiện theo quy định: Đây là nhiệm vụ được thực hiện tại cấp xã và thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã. Nhiệm vụ này phải hoàn thành trước ngày 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

2.2. Đối với việc xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đây là nhiệm vụ được thực hiện tại cấp huyện và thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Nhiệm vụ này phải hoàn thành trước ngày 25/01 của năm sau liền kề năm đánh giá.

* Khi triển khai thực hiện nhiệm vụ, cần lưu ý như sau:

- Việc đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật; xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ được thực hiện liên tục, hằng năm,

gắn với đánh giá kết quả, trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của cấp xã về các lĩnh vực quản lý đã được cụ thể hóa trong các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

- Về thời hạn thực hiện rà soát, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định theo hướng linh hoạt đối với việc rà soát, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Vì vậy, có thể rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu định kỳ theo quý hoặc 06 tháng và do địa phương chủ động thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế.

- Việc chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật dựa vào kết quả thực tế của cả năm đánh giá (tính đến ngày 31/12 hằng năm), thời hạn tiến hành tổng hợp kết quả phải hoàn thành trước 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá là tương đối ngắn. Nên để bảo đảm đánh giá, chấm điểm thực hiện đúng thời hạn, tiến độ, tránh dồn việc vào công chức Tư pháp - Hộ tịch, hằng năm, công chức Tư pháp - Hộ tịch cần tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện cho các công chức cấp xã theo dõi, chấm điểm và đề xuất các giải pháp thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

IV. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Quy trình đánh giá của cấp xã

1.1. Bước 1: Rà soát, theo dõi, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

a) Nội dung công việc: Rà soát, theo dõi, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật theo lĩnh vực quản lý và được giao theo dõi.

b) Người thực hiện: Công chức chuyên môn cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (gắn với lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ chuyên môn của công chức).

c) Thời hạn thực hiện:

- Việc rà soát, theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu thực hiện thường xuyên, liên tục, hằng năm, có thể theo định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng hoặc năm một lần.

- Thời hạn hoàn thành việc rà soát, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật hằng năm: Trước ngày 31/12 của năm đánh giá.

d) Kết quả thực hiện: Bảng chấm điểm kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu (theo Mẫu số 01-TCPL-II Thông tư số 07/2017/TT-BTP).

1.2. Bước 2: Tổng hợp kết quả chấm điểm, dự thảo Báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Nội dung công việc:

- Tổng hợp kết quả trên cơ sở kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật của công chức cấp xã theo lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được giao theo dõi.

- Xây dựng Báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Báo cáo tự đánh giá).

b) Người thực hiện: Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

c) Kết quả thực hiện:

- Bảng tổng hợp chấm điểm của các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật theo Mẫu 01-TCPL-II.

- Dự thảo Báo cáo tự đánh giá theo Mẫu 04 -TCPL-II.

- Tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật dưới sự chủ trì của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.3. Bước 3: Họp đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Nội dung công việc:

- Hoàn thiện Bảng tổng hợp, dự thảo Báo cáo tự đánh giá.

- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan và dự kiến những vấn đề trọng tâm phục vụ họp đánh giá.

- Tham mưu, đề xuất thành phần tham dự họp đánh giá.

- Tổ chức họp cho ý kiến về kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Người thực hiện:

- Chủ trì họp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Công chức Tư pháp - Hộ tịch, Văn phòng - Thống kê có trách nhiệm tham mưu, chuẩn bị nội dung, tài liệu có liên quan phục vụ họp đánh giá.

- Thành phần tham dự: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

quyết định, gồm: các công chức chuyên môn của cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) dự họp.

c) Trình tự tiến hành họp:

- Công chức Tư pháp - Hộ tịch trình bày Báo cáo tự đánh giá.

- Người tham dự cuộc họp cho ý kiến về kết quả tự chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật.

- Các công chức chuyên môn cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật có thể giải trình kết quả theo dõi, tự chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí; nêu lên khó khăn, vướng mắc, hạn chế và đề xuất các giải pháp thực hiện.

- Chủ trì cuộc họp kết luận cuộc họp.

d) Kết quả thực hiện:

- Biên bản họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Hoàn thiện Bảng tổng hợp chấm điểm, Báo cáo tự đánh giá.

- Chuẩn bị hồ sơ để đề nghị xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nếu đủ điều kiện theo quy định.

đ) Lưu ý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể ủy quyền cho một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cuộc họp nếu có lý do chính đáng không thể chủ trì cuộc họp.

1.4. Bước 4: Lập hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

a) Nội dung công việc:

- Xem xét các điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Lập hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (nếu đủ điều kiện theo quy định), bao gồm:

(1) Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu 04 -TCPL-II

(2) Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm theo Mẫu 01-TCPL-II

(3) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân theo Mẫu 03 -TCPL-II

(4) Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nếu xét thấy đủ điều kiện theo Mẫu 05 -TCPL-II

(5) Tài liệu khác (nếu có) như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định... để xác định, chứng minh mức độ tin cậy của việc đánh giá, tự chấm điểm từng tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

b) Người thực hiện: Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

c) Kết quả thực hiện: Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Lưu ý: Trường hợp không đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định, cấp xã không phải lập hồ sơ nhưng phải gửi báo cáo đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt

chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất các giải pháp phấn đấu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.5. Bước 5: Hoàn thiện, gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Nội dung công việc:

- Rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Phê duyệt hồ sơ.

- Gửi hồ sơ đến Phòng Tư pháp cấp huyện.

b) Người thực hiện:

- Công chức Tư pháp - Hộ tịch: Rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ; gửi hồ sơ sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Xem xét, phê duyệt hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Kết quả thực hiện: Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Phòng Tư pháp cấp huyện.

*** Lưu ý:** Thời hạn cuối cùng để hoàn thành các công việc tự đánh giá của cấp xã từ bước 1 đến bước 5 nêu trên phải trước ngày 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá. Trên cơ sở thời hạn chung này, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, cấp xã có thể lượng hóa, xác định cụ thể thời hạn phải hoàn thành công việc ở mỗi bước, nhằm nâng cao trách nhiệm của người chủ trì thực hiện, tránh dồn việc nhưng phải bảo đảm hài hòa.

2. Quy trình xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp huyện

2.1. Các công việc phục vụ việc xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp huyện

a) Tiếp nhận, kiểm tra sơ bộ hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Tổ chức kiểm tra trực tiếp cấp xã (nếu cần thiết), yêu cầu cung cấp, bổ sung tài liệu có liên quan hoặc báo cáo, giải trình bổ sung để làm rõ các vấn đề có liên quan.

d) Xây dựng báo cáo thẩm tra.

đ) Tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật.

e) Rà soát, lập danh sách cấp xã đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

g) Dự thảo Quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

h) Chính lý, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét.

i) Quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

k) Báo cáo kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất các giải pháp gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi kết thúc đánh giá hằng năm.

2.2. Quy trình xem xét, công nhận

2.2.1. Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra sơ bộ hồ sơ

a) Nội dung công việc

- Tiếp nhận, vào sổ theo dõi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Kiểm tra sơ bộ hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện theo quy định (nếu có).

b) Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp.

c) Thời hạn thực hiện: Có thể thực hiện kiểm tra, xử lý ngay trong ngày nhận được hồ sơ, bảo đảm phù hợp trong thời hạn chung của quy trình xem xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Kết quả thực hiện: Hồ sơ được tiếp nhận, đưa vào sổ theo dõi.

2.2.2. Bước 2: Thẩm tra hồ sơ

a) Nội dung công việc:

- Thẩm tra kết quả tự đánh giá, các điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã.

- Xây dựng báo cáo hoặc văn bản thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Phối hợp, huy động các cơ quan, tổ chức có liên quan đến các lĩnh vực quản lý thuộc nội dung các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật để đánh giá, cho ý kiến về những vấn đề có liên quan (nếu cần thiết).

- Tổng hợp, lập danh sách cấp xã đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Mẫu 07 -TCPL-II; danh sách cấp xã chưa đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Mẫu 08 -TCPL-II.

b) Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp.

c) Thời hạn thực hiện: Trước khi tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện.

d) Kết quả thực hiện: Báo cáo hoặc văn bản thẩm tra của Phòng Tư pháp được bổ sung vào hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

đ) Lưu ý: Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, nếu thấy hồ sơ có nội dung chưa rõ, Phòng Tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, làm rõ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

2.2.3. Bước 3: Họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện.

a) Nội dung công việc:

- Chuẩn bị nội dung, tài liệu, các vấn đề trọng tâm xin ý kiến Hội đồng.

- Gửi giấy mời triệu tập kèm hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tư vấn, cho ý kiến công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Cho ý kiến về kết quả đánh giá, đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp thực hiện.

- Lập Biên bản họp Hội đồng.

b) Cơ quan, người thực hiện:

- Phòng Tư pháp: tham mưu tổ chức họp Hội đồng; chuẩn bị giấy mời, nội dung, tài liệu họp; dự thảo biên bản họp.

- Chủ tịch Hội đồng triệu tập, chủ trì họp.

- Thành viên Hội đồng: tư vấn, cho ý kiến kết quả đánh giá, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất các giải pháp thực hiện sau khi kết thúc đánh giá hằng năm.

c) Kết quả thực hiện: Biên bản họp Hội đồng.

2.2.4. Bước 4: Hoàn thiện hồ sơ, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Nội dung công việc:

- Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan trên cơ sở tiếp thu ý kiến Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện để đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Xây dựng Tờ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, kèm theo danh sách cấp xã đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách cấp xã chưa đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Dự thảo Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Người thực hiện: Phòng Tư pháp.

c) Kết quả thực hiện: Hồ sơ, tờ trình, dự thảo Quyết định kèm theo danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được hoàn thiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.2.5. Bước 5: Xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Nội dung công việc: Xem xét, ký Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

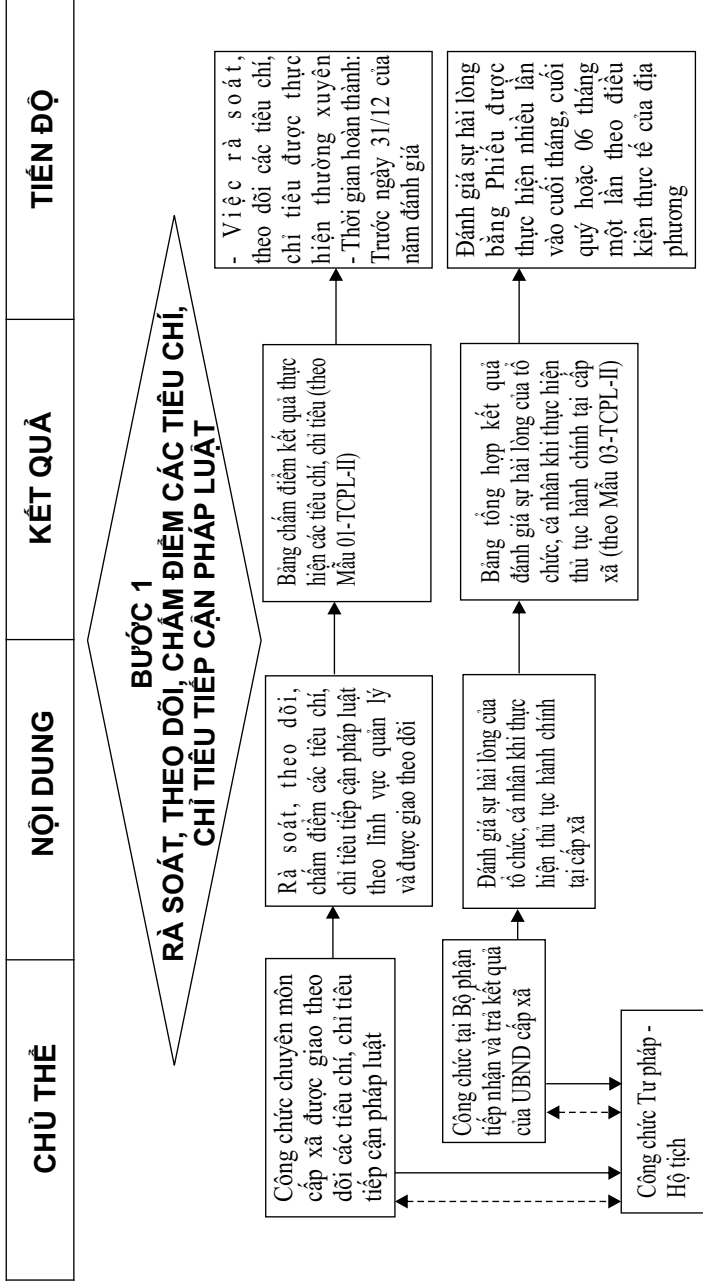
b) Người thực hiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

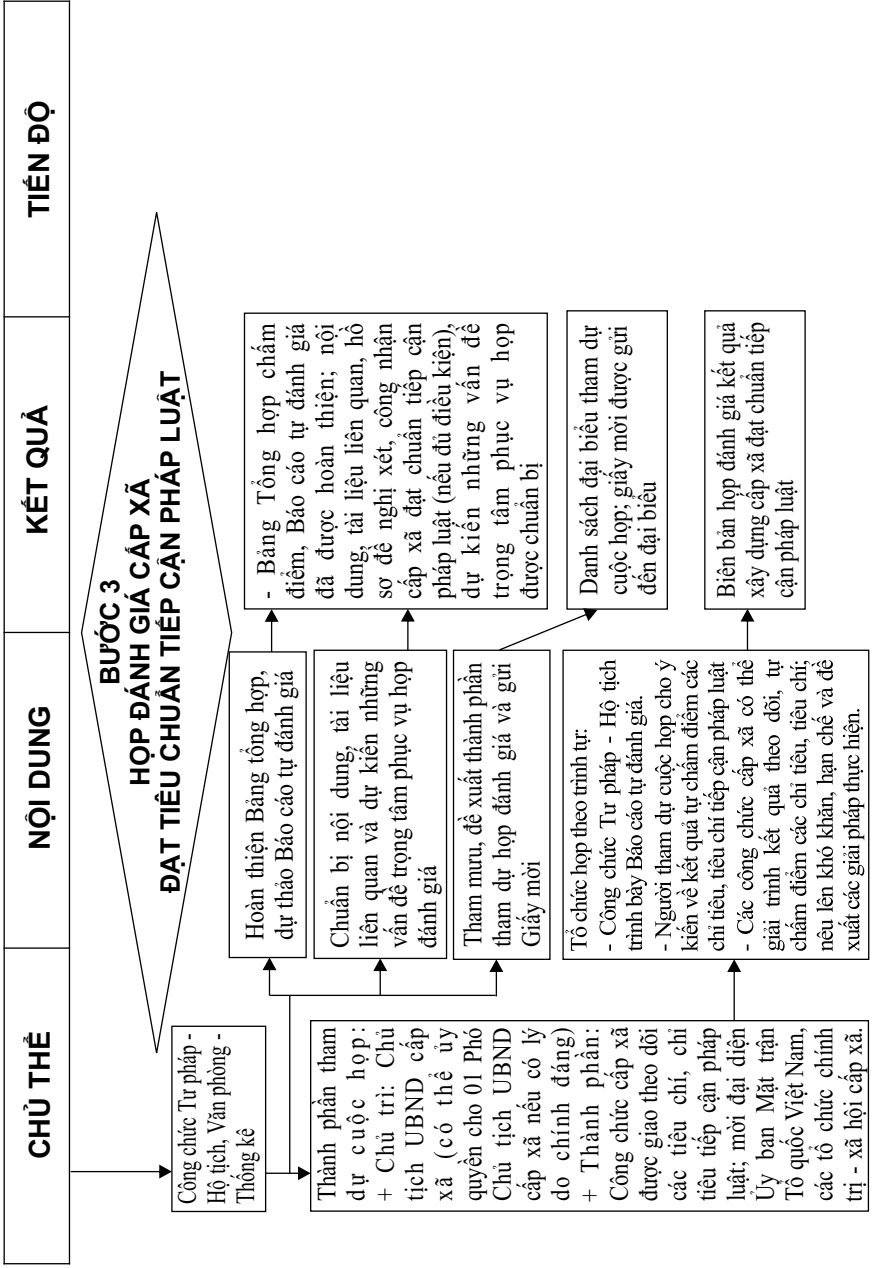
c) Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được ban hành kèm theo danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

* **Lưu ý:** Thời hạn cuối cùng để hoàn thành các công việc trong quy trình xem xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã từ bước 3 đến bước 5 nêu trên phải trước ngày 25/01 của năm liền kề sau năm đánh giá. Trên cơ sở thời hạn chung này, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, cấp huyện có thể lượng hóa, xác định cụ thể thời hạn phải hoàn thành công việc ở mỗi bước, nhằm nâng cao trách nhiệm của người chủ trì thực hiện, tránh dồn việc nhưng phải bảo đảm hài hòa.

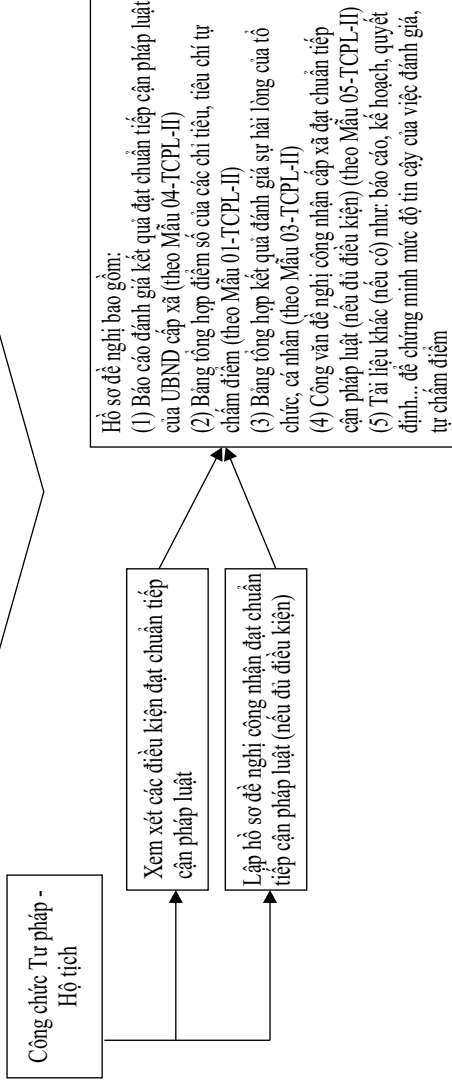
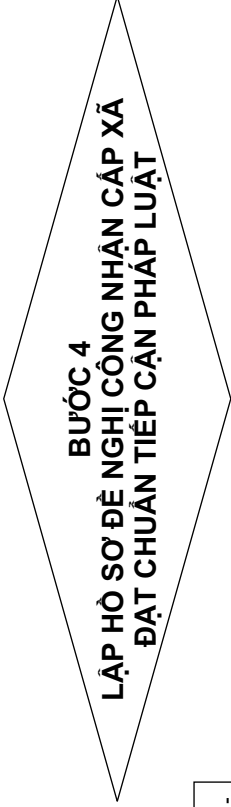
SƠ ĐỒ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Quy trình đánh giá của cấp xã

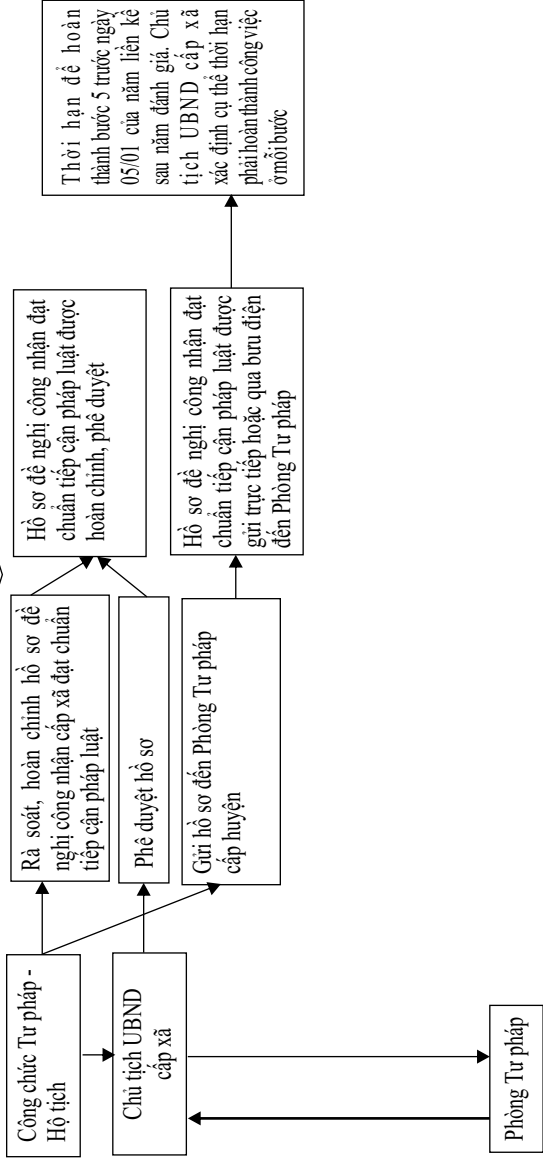
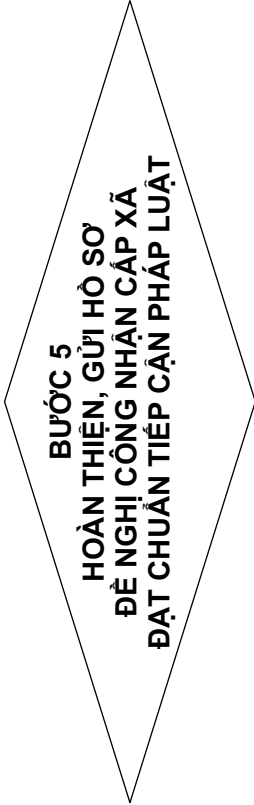




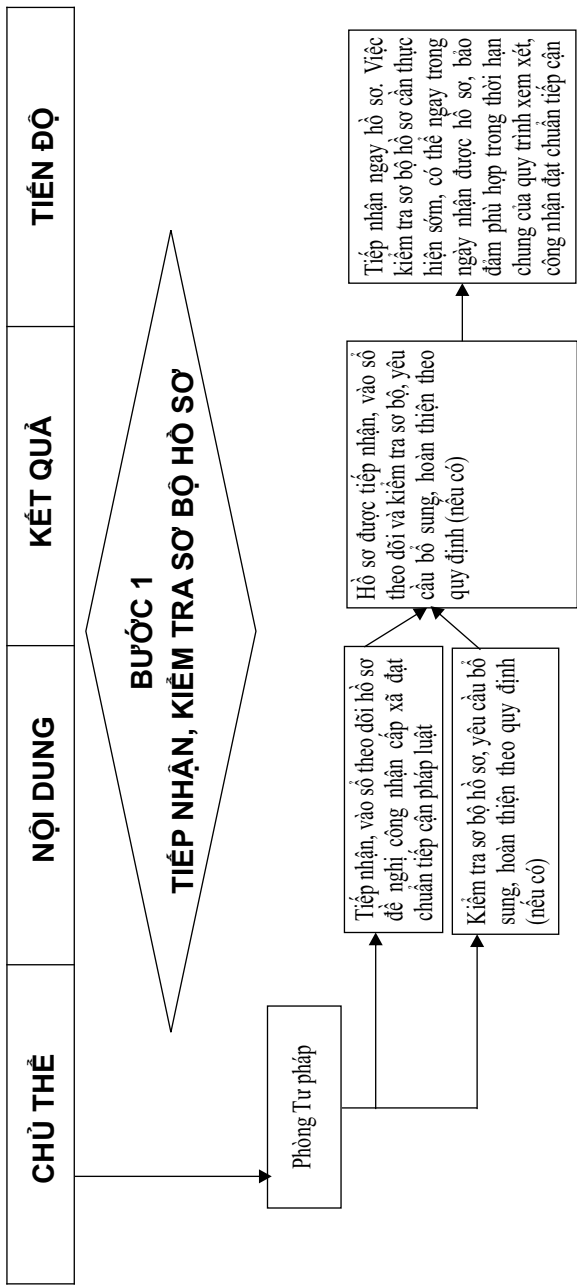
CHỦ THỂ	NỘI DUNG	KẾT QUẢ	TIẾN ĐỘ
---------	----------	---------	---------



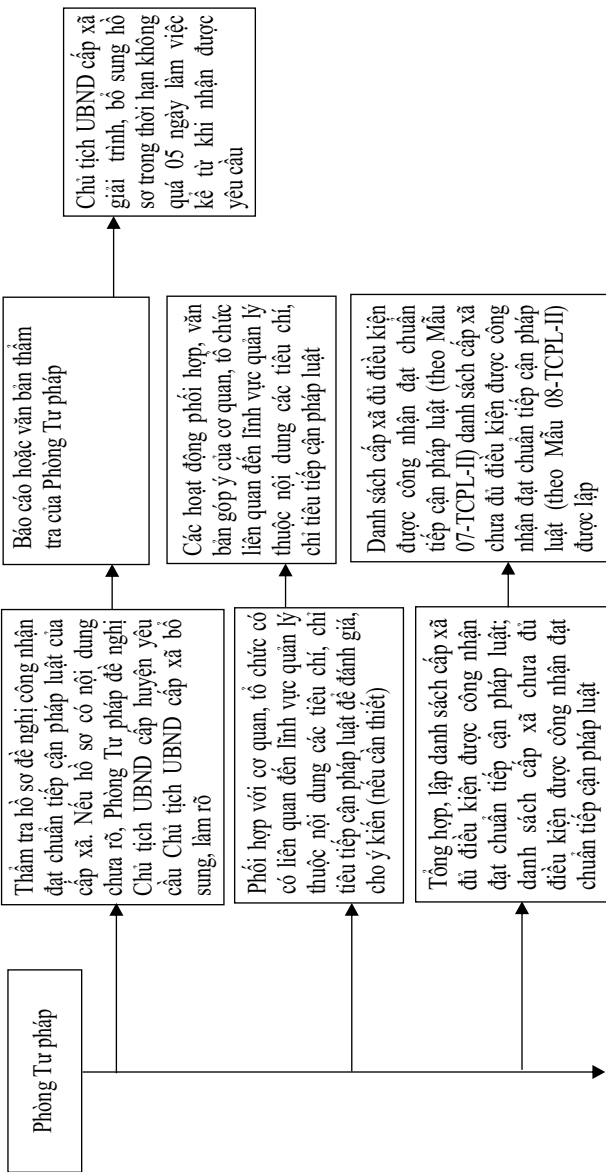
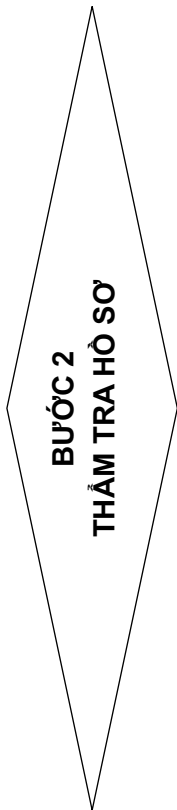
CHỦ THỂ	NỘI DUNG	KẾT QUẢ	TIẾN ĐỘ
---------	----------	---------	---------

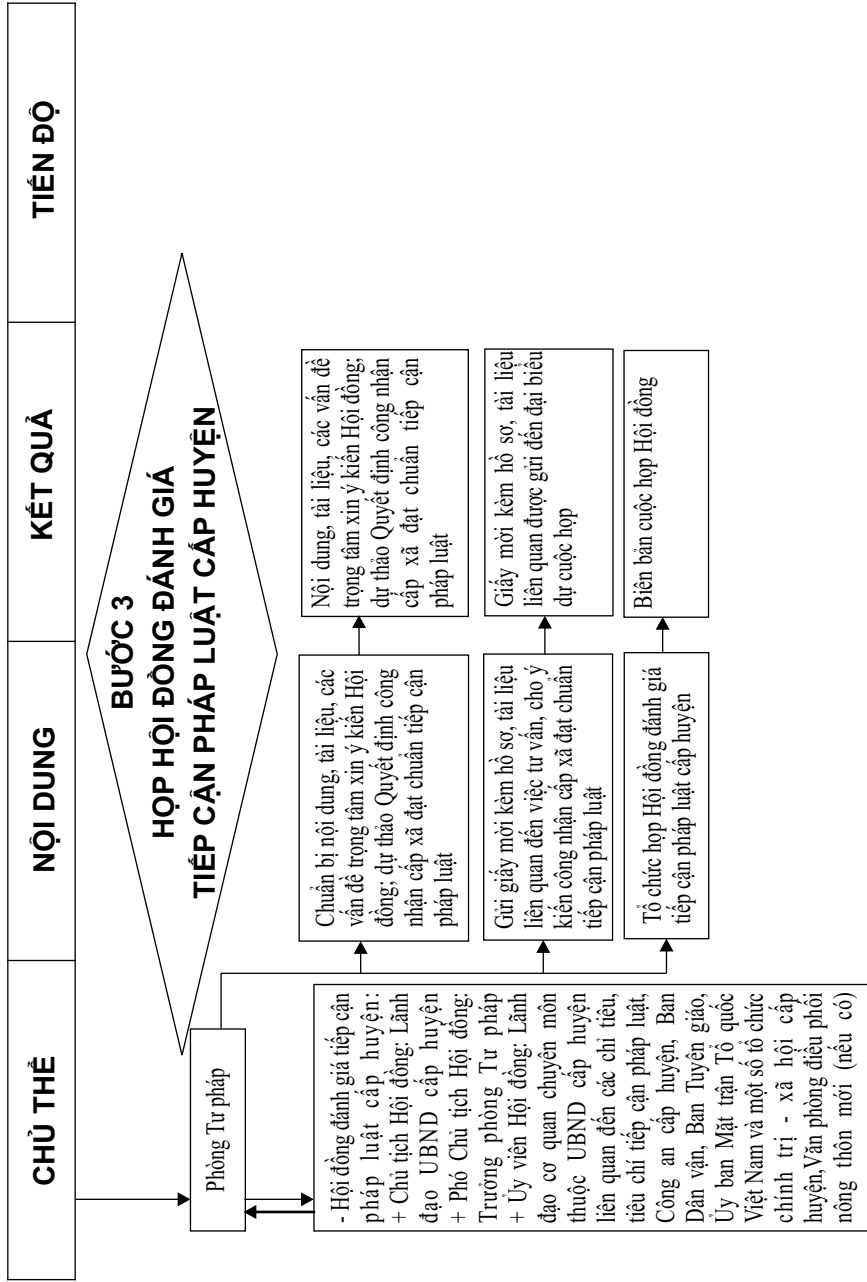


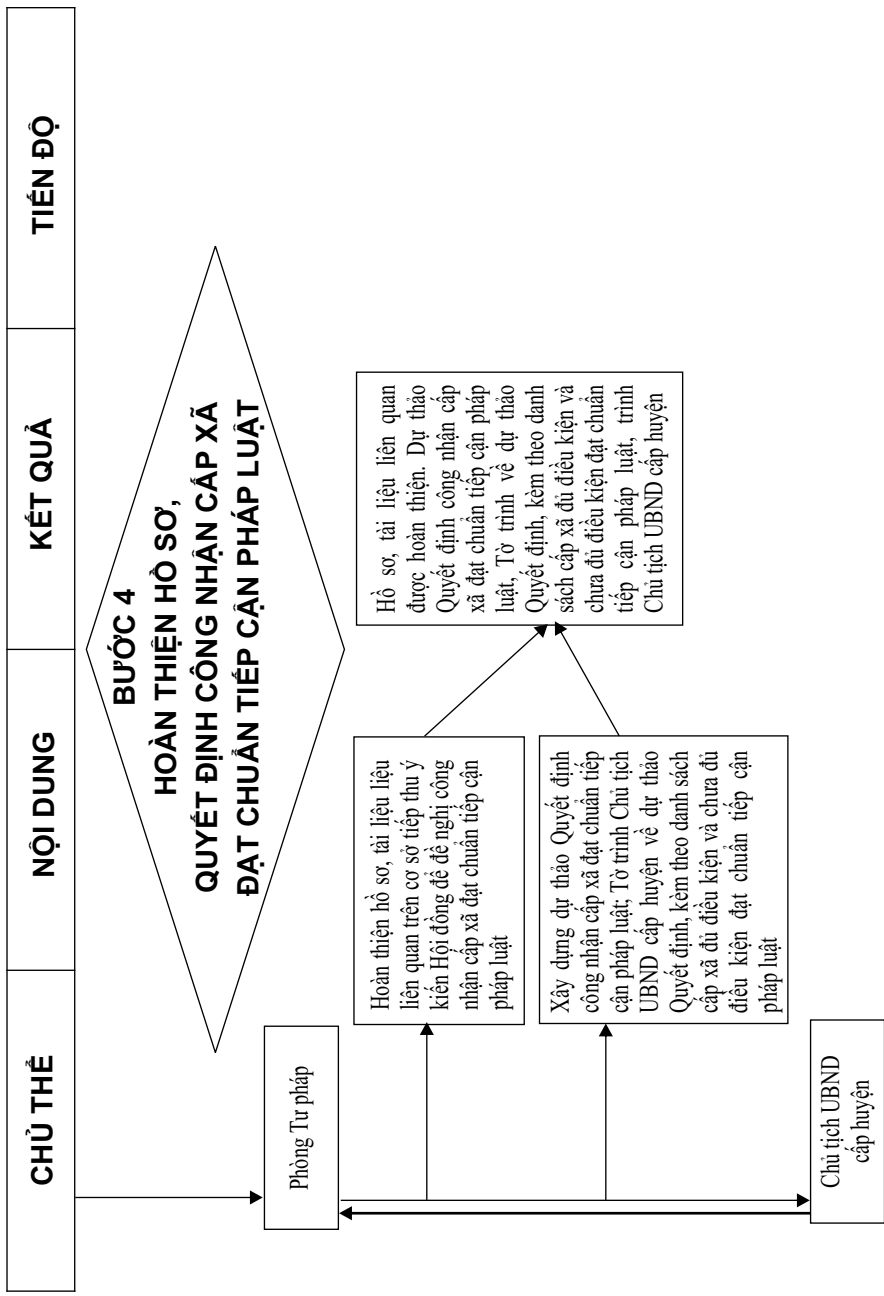
2. Quy trình xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp huyện



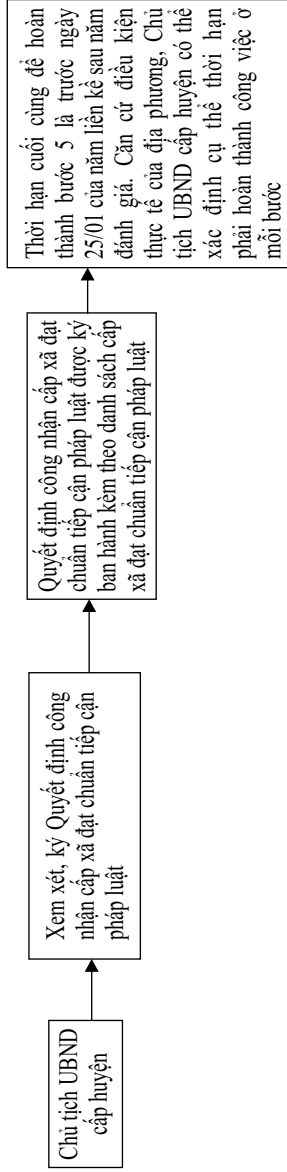
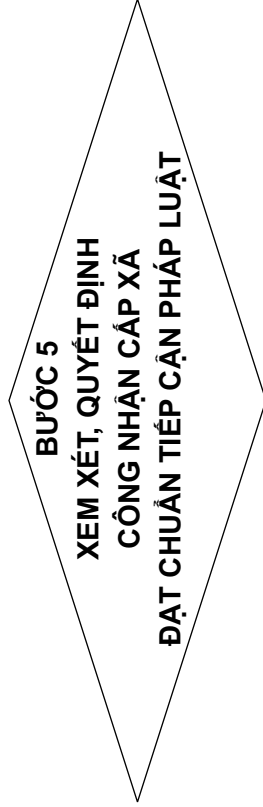
CHỦ THỂ	NỘI DUNG	KẾT QUẢ	TIẾN ĐỘ
---------	----------	---------	---------







CHỦ THỂ	NỘI DUNG	KẾT QUẢ	TIẾN ĐỘ
---------	----------	---------	---------



* Ghi chú:

- Quy trình, hoạt động tiếp theo
- ↑ Chính Lý, hoàn thiện Hồ sơ
- ↔ Quan hệ phối hợp

V. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Niêm yết kết quả đánh giá, công nhận, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1.1. Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố và cộng đồng dân cư khác và thông báo trên đài, loa truyền thanh cơ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc tự chấm điểm.

Kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật dùng để niêm yết là kết quả tổng hợp sau cuộc họp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì đánh giá kết quả xây dựng cấp xã tiếp cận pháp luật và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, gửi Phòng Tư pháp.

1.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận.

1.3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã

2.1. Về đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng

Đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng bao gồm tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và đã được trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề năm đánh giá.

2.2. Về số lượng, tỷ lệ đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng

Số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng hằng năm của mỗi đơn vị cấp xã do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hướng dẫn nhưng tối thiểu phải đạt từ 15% trở lên số lượt thủ tục hành chính tại cấp xã đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá.

Ví dụ: Năm 2018, xã A tổ chức đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Năm 2017, xã A có 5.000 lượt thủ tục hành chính được giải quyết và trả kết quả. Như vậy, số lượng đối tượng sẽ tham gia đánh giá sự hài lòng để phục vụ đánh giá xã A đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 phải đạt từ $15\% \times 5.000 = 750$ lượt tổ chức, cá nhân.

2.3. Hình thức đánh giá

2.3.1. Bằng phiếu lấy ý kiến, bảng điện tử hoặc hình thức phù hợp khác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc kết hợp với đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới, chỉ số cải cách thủ tục hành chính hằng năm.

2.3.2. Nếu trong năm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tại cấp xã cũng thực hiện đo lường sự hài lòng về chỉ số cải cách thủ tục hành chính (chỉ số PAR INDEX) thì có thể kết hợp đánh giá hoặc sử dụng kết quả của chỉ số này để tính điểm Chỉ tiêu 5 về “bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính” của Tiêu chí 2.

2.3.3. Về thực hiện đánh giá sự hài lòng bằng Phiếu lấy ý kiến

a) Thời gian thực hiện đánh giá

Việc tổ chức đánh giá sự hài lòng bằng Phiếu lấy ý kiến được thực hiện nhiều lần vào cuối tháng, cuối quý hoặc 06 tháng một lần theo điều kiện thực tế của địa phương nhưng đối tượng, số lượng đối tượng tham gia đánh giá phải tuân thủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

b) Hình thức, trách nhiệm thực hiện đánh giá

- Trường hợp gửi hoặc phát Phiếu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

Công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến khi tiếp nhận hồ sơ hoặc khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân.

Khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Phiếu lấy ý kiến vào thùng, hòm đựng phiếu đặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi, phát theo cách thức điều tra:

Cán bộ điều tra có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến; thu nhận, tổng hợp Phiếu lấy ý kiến và bàn giao đầy đủ cho công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý, tổng hợp kết quả theo quy định.

2.4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện đánh giá sự hài lòng

2.4.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Căn cứ quy định về các hình thức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BTP và điều kiện, yêu cầu thực tế của nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương, có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về hình thức và thời điểm tổ chức đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

2.4.2. Đối với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về hình thức và thời điểm tổ chức đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã trên địa bàn cấp tỉnh, có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn kèm theo các giải pháp thúc đẩy, duy trì kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đối với cấp xã đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật) hoặc các giải pháp khắc phục hạn chế, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật (đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật).

2.4.3. Đối với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Chỉ đạo, phân công công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp công chức Tư pháp - Hộ tịch tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính như sau:

- Đề xuất đối tượng, số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã theo chỉ đạo hằng năm của cơ quan có thẩm quyền.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã; tổng

hợp, xử lý kết quả đánh giá sự hài lòng; xây dựng bảng tổng hợp kết quả theo mẫu quy định tại Điều 3 Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

- Lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã theo quy định.

- Phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

Phần thứ ba

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA HỘI ĐỒNG

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật được thành lập ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện) để tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG VÀ THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

1.1. Xem xét, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.2. Trao đổi, đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thực hiện các sáng kiến, giải pháp đó trong phạm vi địa phương.

1.3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng

2.1. Nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng:

- Tư vấn, tham gia ý kiến về kết quả đánh giá và đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lĩnh vực được giao quản lý. Ý kiến của thành viên Hội đồng là ý kiến của cơ quan, tổ chức nơi công tác;

- Đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tư vấn, tổ chức thực hiện sáng kiến, giải pháp đó;

- Tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng. Trong trường hợp không thể tham dự cuộc họp mà có lý do chính đáng thì phải gửi ý kiến bằng văn bản về các nội dung cần xin ý kiến nêu trên để Phòng Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

2.2. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng:

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều phối hoạt động chung của Hội đồng, cụ thể như sau:

- Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Hội đồng;

- Chỉ đạo, điều phối chung hoạt động của Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng;

- Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Hội đồng; quyết định việc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng; kết luận về nội dung thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng;

- Ký văn bản của Hội đồng; duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa các thành viên Hội đồng; thay mặt Hội đồng làm việc với các cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Tổ chức việc quản lý, sử dụng kinh phí, phương tiện phục vụ cho hoạt động của Hội đồng theo quy định của pháp luật.

2.3. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng:

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng còn có các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì cuộc họp và thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt;

- Là thường trực Hội đồng, có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng;

- Căn cứ kết luận của Hội đồng, chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ

quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

2.4. Nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng:

- Giúp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng;

- Lập biên bản, báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị trong các cuộc họp của Hội đồng và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực về nội dung biên bản các cuộc họp của Hội đồng.

III. THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

1. Thành lập Hội đồng

1.1. Về thẩm quyền thành lập Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.2. Về thành phần Hội đồng: bao gồm một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tư pháp làm Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng.

Thành viên Hội đồng có thể là đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, Công an cấp huyện, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, Văn phòng điều phối nông thôn mới (nếu có).

Hội đồng có Thư ký do 01 công chức Phòng Tư pháp đảm nhiệm.

1.3. Về số lượng thành viên Hội đồng: Không quá 15 người.

1.4. Hướng dẫn việc thành lập Hội đồng:

- **Bước 1:** Tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về dự kiến số lượng và đại diện cơ quan, đơn vị tham gia thành viên Hội đồng.

a) Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp.

b) Thời hạn thực hiện: Trước thời điểm cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Kết quả thực hiện: Tờ trình kèm theo Dự kiến số lượng và danh sách cơ quan, đơn vị tham gia thành viên Hội đồng; Dự kiến số lượng và danh sách cơ quan, đơn vị tham gia thành viên Hội đồng đã được chỉnh lý theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

d) Một số lưu ý:

Để bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng, việc đề xuất số lượng, dự kiến cơ quan, đơn vị phải căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, thực trạng và kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật, bảo đảm hài hòa thành phần tham gia Hội đồng có đại diện các cơ quan, đơn vị phụ trách, theo dõi lĩnh vực làm tốt, đạt kết quả và điểm số đánh giá cao và cơ quan, đơn vị phụ trách, theo dõi lĩnh vực còn hạn chế, đạt kết quả và điểm số đánh giá thấp.

- **Bước 2:** Phê duyệt dự kiến về số lượng và danh sách cơ quan, đơn vị tham gia Hội đồng.

a) Người thực hiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Thời hạn thực hiện: Trước thời điểm cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Kết quả thực hiện: Dự kiến số lượng và danh sách cơ quan, đơn vị tham gia Hội đồng được phê duyệt.

- **Bước 3:** Xem xét, quyết định thành lập Hội đồng.

a) Người thực hiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Xem xét, ký Quyết định thành lập Hội đồng.

b) Thời hạn thực hiện: Trước thời điểm cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Kết quả thực hiện: Ký, ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện.

2. Hoạt động của Hội đồng

2.1. Chế độ làm việc của Hội đồng, thành viên Hội đồng

a) Về Hội đồng:

- Hội đồng thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua cuộc họp toàn thể thành viên.

- Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số bằng hình thức biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến.

- Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự.

b) Về thành viên Hội đồng:

- Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

- Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến tư vấn tại cuộc họp Hội đồng hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng.

- Ý kiến của thành viên Hội đồng đại diện cho ý kiến của cơ quan, đơn vị đã cử tham gia Hội đồng.

2.2. Quy chế hoạt động của Hội đồng

- Căn cứ điều kiện thực tế, Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc thành lập, duy trì Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật theo hướng ổn định (kiện toàn nếu có thành viên nghỉ chế độ, chuyển công tác) hoặc thành lập Hội đồng theo kỳ đánh giá hằng năm. Trong Quyết định thành lập Hội đồng phải quy định rõ Hội đồng hoạt động theo cách thức nào trong các cách thức này.

- Đối với trường hợp thành lập Hội đồng ổn định thì cần có Quy chế hoạt động của Hội đồng. Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của Hội đồng theo quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

- Đối với trường hợp thành lập Hội đồng theo kỳ đánh giá hằng năm, không nhất thiết phải có Quy chế hoạt động của Hội đồng, nhưng tại Quyết định thành lập Hội đồng cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, hoạt động và kinh phí hoạt động của Hội đồng, trong đó nêu rõ Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.3. Cuộc họp Hội đồng

a) Chuẩn bị cuộc họp:

- Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng dự kiến thời gian, chuẩn bị nội dung, tài liệu cuộc họp; triệu tập thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

b) Tiến hành cuộc họp Hội đồng:

- Tại cuộc họp, Phó Chủ tịch Hội đồng báo cáo về các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng.

- Các thành viên Hội đồng tư vấn, thảo luận theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thông qua các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng bằng hình thức biểu quyết hoặc qua phiếu lấy ý kiến. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng theo Mẫu 06-TCPL-II. Ý kiến của thành viên Hội đồng phải được tổng hợp đầy đủ, khách quan, trung thực trong biên bản cuộc họp.

IV. QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỚI PHÒNG TƯ PHÁP

1. Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin thông suốt giữa thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

2. Phòng Tư pháp là cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp Hội đồng; tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu cho Hội đồng về các nội dung cần yêu cầu giải trình, bổ sung làm rõ;

3. Căn cứ kết luận của Hội đồng, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

V. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 619/QĐ-TTg. Theo đó, nguồn kinh phí này được bảo đảm, bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hằng năm của Phòng Tư pháp.

2. Cơ sở đề xuất, sử dụng kinh phí cho hoạt động của

Hội đồng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Trong đó, các nội dung chi, mức chi hoạt động của Hội đồng bao gồm:

2.1. Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm nghiệp vụ, các phiên họp định kỳ, đột xuất, phiên họp tư vấn của Hội đồng, Ban chỉ đạo;

2.2. Văn phòng phẩm và biên soạn tài liệu phục vụ các hoạt động của Hội đồng, Ban chỉ đạo;

2.3. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra;

2.4. Sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng.

3. Trên cơ sở nhiệm vụ và hoạt động của Hội đồng, Phòng Tư pháp đề xuất, lập dự toán kinh phí cho hoạt động của Hội đồng hằng năm và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của Phòng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp tổng hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phân bổ.

Phần thứ tư

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG

CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. PHẠM VI, NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Tại điểm b khoản 12 Điều 2 Nghị định số 96/2017/NĐ-CP; Điều 2, Điều 5 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã xác định xây dựng cấp xã tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp.

Phạm vi, nội dung quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được quy định tại Điều 4 Quyết định số 619/QĐ-TTg và được nêu tổng quát tại Mục III.2 Phần thứ nhất Sổ tay này.

II. NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG

CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CỦA

CÁC BỘ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ, ỦY BAN NHÂN DÂN

CÁC CẤP

1. Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp Thủ tướng

Chính phủ triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên phạm vi toàn quốc.

Trên cơ sở phạm vi và nội dung quản lý nhà nước quy định tại Điều 4 và trách nhiệm được giao tại khoản 1 Điều 10 Quyết định số 619/QĐ-TTg, có thể xác định các nhiệm vụ cụ thể thuộc trách nhiệm và phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp như sau:

1.1. Về xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan/người có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan/người có thẩm quyền ban hành các chương trình, đề án nhằm bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

1.2. Về chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

- Xây dựng, ban hành kế hoạch theo giai đoạn, hằng năm và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể trong chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Giải đáp, trả lời kiến nghị, vướng mắc của địa phương trong thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.3. Tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức,

trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tình hình thực hiện và quy định của pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bằng các hình thức phù hợp với đối tượng, địa bàn (Tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông, tọa đàm, phóng sự về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên báo chí; cập nhật, đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tin, bài về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng thông tin/Trang tin điện tử của cơ quan; biên soạn tài liệu phổ biến, giới thiệu...).

1.4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.5. Tổ chức biên soạn, phát hành các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ; tài liệu giải đáp, tình huống về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.6. Lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xóa đói, giảm nghèo.

1.7. Tổng hợp, thống kê, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.8. Tổ chức kiểm tra, khảo sát, sơ kết, tổng kết thực tiễn xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên phạm

vi cả nước; khen thưởng, đề xuất khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ gắn với khen thưởng xây dựng nông thôn mới, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

2.1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 619/QĐ-TTg, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp, theo dõi, thống kê, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

b) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

c) Theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn giải pháp thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ngoài các nhiệm vụ tại điểm 2.1 nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn có nhiệm vụ theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng kết quả đánh giá “xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” trong việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2.3. Bộ Nội vụ

Ngoài các nhiệm vụ tại điểm 2.1 nêu trên, Bộ Nội vụ còn có nhiệm vụ theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn kết quả xây dựng

cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” và đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã.

2.4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ngoài các nhiệm vụ tại điểm 2.1 nêu trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn có nhiệm vụ theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá phường, thị trấn đạt đô thị văn minh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, điểm a khoản 7 Điều 12 Nghị quyết liên tịch số 88/NQLT/CP-ĐCTUBTWMTTQVN của Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 07/10/2016 về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và khoản 3 Điều 10 Quyết định số 619/QĐ-TTg, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội có các nhiệm vụ sau:

3.1. Phối hợp với Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức phổ biến pháp luật, vận động Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

3.2. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức phổ biến pháp luật về

xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho thành viên, hội viên.

3.3. Giám sát, phản biện xã hội, vận động thành viên, hội viên tham gia xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính.

3.4. Phối hợp với cơ quan Tư pháp cùng cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp

4.1. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp

Trên cơ sở nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và trách nhiệm quy định tại Điều 4, khoản 4 Điều 10 Quyết định số 619/QĐ-TTg, Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ sau đây:

a) Về chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch theo giai đoạn, hằng năm và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

b) Tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tình hình thực hiện và quy định của pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bằng các hình thức phù hợp với đối tượng,

địa bàn (Tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông, tọa đàm, phóng sự về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên báo chí; cập nhật, đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tin, bài về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng thông tin/Trang tin điện tử của cơ quan; biên soạn tài liệu phổ biến, giới thiệu...).

c) Tổ chức biên soạn, phát hành các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ; tài liệu giải đáp, tình huống về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

đ) Tổng hợp, thống kê, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

e) Phân công cơ quan Tư pháp cùng cấp, công chức Tư pháp - Hộ tịch làm đầu mối theo dõi, tham mưu triển khai nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp đó.

g) Bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

h) Tổ chức sơ kết, tổng kết thực tiễn xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn, khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ gắn với khen thưởng xây dựng nông thôn mới, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

i) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 619/QĐ-TTg.

4.2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Ngoài các nhiệm vụ quy định tại điểm 4.1 nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh còn có nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Giải đáp, trả lời kiến nghị, vướng mắc của cấp huyện, cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; chỉ đạo, quyết định giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hằng năm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn

c) Căn cứ quy định về các hình thức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã và điều kiện, yêu cầu thực tế tại địa phương, hướng dẫn cụ thể hình thức và thời điểm tổ chức đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, báo cáo viên pháp luật về nhiệm vụ này.

đ) Tổ chức kiểm tra, khảo sát thực tiễn xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

4.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ngoài các nhiệm vụ quy định tại điểm 4.1 nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện còn có nhiệm vụ sau:

a) Giải đáp, trả lời kiến nghị, vướng mắc của cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, báo cáo viên pháp luật về nhiệm vụ này.

c) Tổ chức kiểm tra, khảo sát thực tiễn xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có các nhiệm vụ sau:

- Thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật để tư vấn, giúp Chủ tịch tổ chức việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; bảo đảm nguồn lực để Hội đồng hoạt động có hiệu quả.

- Xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

4.4. Ủy ban nhân dân cấp xã: Ngoài các nhiệm vụ quy

định tại điểm 4.1 nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp xã còn có nhiệm vụ sau:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, phân công công chức chuyên môn theo dõi các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; tổ chức đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

b) Chỉ đạo, phân công công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã chủ trì, phối hợp công chức Tư pháp - Hộ tịch tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

c) Tham mưu, đề xuất các giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

d) Phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng, ban hành văn bản tạo cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ

1.1. Trên cơ sở quy định tại Nghị định số 96/2017/NĐ-CP, Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ phối hợp xây dựng, ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, trong đó các nhiệm vụ có liên quan đến xây

dựng địa phương tiếp cận pháp luật sẽ được rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trên cơ sở hướng dẫn của trung ương, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp phối hợp với Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

1.2. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong các văn bản của cơ quan có thẩm quyền ở địa phương trên cơ sở quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 9 Quyết định số 619/QĐ-TTg, Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và Thông tư số 43/2017/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bố trí, củng cố, sắp xếp tổ chức, cán bộ theo dõi, thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

2.1. Phân công đơn vị làm đầu mối và công chức tham mưu, giúp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc trách nhiệm và phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

2.2. Việc phân công công chức tham mưu, giúp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo hướng sắp xếp, bố trí, bổ sung công chức cho đơn vị đầu mối.

3. Về kinh phí thực hiện nhiệm vụ

3.1. Nguồn kinh phí

Kinh phí cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được cấp từ các nguồn sau:

a) Trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn kinh phí này bảo đảm cho các hoạt động quản lý nhà nước như: chỉ đạo, điều hành, tập huấn, kiểm tra, khảo sát, ... Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ cấp xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ nguồn ngân sách địa phương.

b) Từ kinh phí Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

c) Từ nguồn xã hội hóa hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

3.2. Căn cứ đề xuất kinh phí

a) Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí,

định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

d) Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

đ) Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

e) Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

g) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp hướng dẫn việc phân bổ vốn, lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

3.3. Trách nhiệm thực hiện

a) Các cơ quan Tư pháp (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp), công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu xây dựng dự toán kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện, thanh quyết toán. Hằng năm, trên cơ sở rà soát nhiệm vụ thực hiện

tiêu chí xã tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới, các cơ quan Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch đề xuất kinh phí với cơ quan chủ trì nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Văn phòng điều phối nông thôn mới) để bổ sung kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ.

b) Cơ quan Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch xây dựng dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý và đề xuất cơ quan Tài chính, công chức Tài chính - Kế toán cùng cấp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, công chức được giao theo dõi chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật tự xây dựng dự toán hoặc có thể làm đầu mối xây dựng dự toán tổng thể về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp mình gửi cơ quan Tài chính, công chức Tài chính - Kế toán cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phần thứ năm

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN 18.5 VỀ “XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT” TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Nhận thức được vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vấn đề xây dựng nông thôn mới được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, coi trọng. Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp nhằm xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn... và xác định rõ

giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó xác định nhiệm vụ xây dựng “*Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới*”. Trước yêu cầu đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới (một số tiêu chí được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013) và Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020. Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 gồm 19 tiêu chí và 39 chỉ tiêu thành phần, trong đó phần lớn các tiêu chí, chỉ tiêu về hạ tầng, cơ sở vật chất; không có tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

Tuy nhiên, bước sang giai đoạn 2016 - 2020, trước yêu cầu xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thi hành công vụ của chính quyền các cấp ở địa phương, thực hiện tốt quyền con người, quyền công dân, ngày 16/8/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 1600/QĐ-TTg), trong đó, Bộ Tư pháp được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì “*đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường*

khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân”. Ngày 17/10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 1980/QĐ-TTg) gồm 5 nhóm tiêu chí, 19 tiêu chí, 49 chỉ tiêu (tăng hơn 10 chỉ tiêu thành phần so với Bộ tiêu chí giai đoạn 2010 - 2015). Một trong những điểm mới quan trọng của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 là đã bổ sung vào tiêu chí thứ 18 “Hệ thống chính trị và pháp luật” tiêu chí thành phần 18.5 về “*Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*”.

Lần đầu tiên chuẩn tiếp cận pháp luật được xác định và trở thành một trong nội dung của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020⁹. Điều đó có nghĩa là kết quả xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một trong các tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đây là cơ sở quan trọng nhằm gắn kết, thực hiện toàn diện các mục tiêu, nội dung xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg; tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở, nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, cán bộ, công chức cấp xã; đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật, khẳng định vai trò của pháp luật và ngành Tư pháp trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh xây dựng Chính phủ liên chính, kiến tạo, hành động, phục vụ người dân và doanh nghiệp; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

⁹ Đây là 1 trong 10 sự kiện nổi bật của ngành Tư pháp năm 2016 theo Quyết định số 2700/QĐ-BTP ngày 31/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật là căn cứ để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có tác động trực tiếp đến thực hiện toàn diện mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân mà Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 đề ra.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó quy định về các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nội dung xây dựng, thẩm quyền, quy trình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Để hướng dẫn thực hiện cụ thể Quyết định số 619/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07/TT-BTP ngày 28/7/2017 quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

II. YÊU CẦU XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Khẳng định và nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong tổng thể các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới.

2. Việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cần gắn kết với đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tiết kiệm nguồn lực.

3. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, trong đó ngành Tư pháp giữ vai trò nòng cốt, chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đặt trong tổng thể nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới; ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRONG ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Với vai trò là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cần chú trọng, bám sát một số nội dung như sau:

1. Về sử dụng kết quả xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Thời hạn thực hiện đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện nay quy định có điểm “vênh”. Trong đó việc đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã tính trong 01 năm từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hằng năm. Còn việc đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện mang tính “động”. Do đó, trên thực tế có thể phát sinh tình trạng chờ đợi trong đánh giá, công nhận đạt chuẩn

các tiêu chí này. Vì vậy, tại Điều 6 Thông tư số 07/2017/TT-BTP, Bộ Tư pháp đã có quy định mang tính giải pháp đối với trường hợp nêu trên như sau:

1.1. Trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức đồng thời với đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá để xét, đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới.

1.2. Trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức trước thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề năm đánh giá hoặc sử dụng kết quả của năm đánh giá nhưng phải tuân thủ quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg.

Ví dụ: Xã A thuộc diện đăng ký để đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2018. Đến tháng 6/2018, xã đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí về xã nông thôn mới, trong khi việc đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải chờ đến cuối năm để bảo đảm quy định về kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải tròn 01 năm tính từ ngày 01/01 đến 31/12/2018. Do vậy, để xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, có thể sử dụng kết quả đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm 2017 hoặc nếu sử dụng kết quả của năm 2018 thì phải chờ kết quả xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Việc sử dụng kết quả của năm 2017 hoặc năm 2018 sẽ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Về kết hợp đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính trong đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới

Để tận dụng kết quả của các cuộc đánh giá khác mà mục tiêu và đối tượng đánh giá tương đồng với đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính trong đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg đã quy định việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã theo hướng linh hoạt tạo cơ sở cho việc đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Theo đó, kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân có thể được thực hiện bằng nhiều cách thức phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của địa phương. Một trong những cách thức đó là kết hợp với đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới.

Vì vậy, trong quá trình tổ chức đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương lưu ý đến cách thức đánh giá cho phù hợp với thực tế. Nếu trong năm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật mà tại địa bàn đó cũng đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới (có thể là đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt tiêu chí huyện nông thôn mới) thì cần tận dụng kết quả thực hiện đánh giá sự hài lòng của các nhiệm vụ này.

3. Về đề xuất kế hoạch hoạt động và kinh phí để thực hiện chỉ tiêu thành phần “xã đạt chuẩn tiếp cận pháp

luật” trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm của Ủy ban nhân dân các cấp

Giai đoạn 2016 - 2020, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, do vậy, trên cơ sở tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được được giao, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương lưu ý đề xuất kế hoạch hoạt động và kinh phí thực hiện giai đoạn 03 năm và hằng năm để đưa vào kế hoạch hoạt động chung thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Việc đề xuất hoạt động và kinh phí thực hiện giai đoạn 03 năm và hằng năm được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg) và Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (Thông tư số 43/2017/TT-BTC).

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ TƯ PHÁP

Tại địa phương, Sở Tư pháp là cơ quan được giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ “đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở”. Với vị trí và vai trò của tiêu chí thành phần và dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nêu

trên, Sở Tư pháp có trách nhiệm và nhiệm vụ liên quan đến nội dung thành phần được giao chủ trì, cụ thể như sau:

1. Lập kế hoạch thực hiện và đề xuất giải pháp thực hiện dự án thành phần trong kế hoạch giai đoạn 05 năm và hằng năm gửi chủ chương trình để tổng hợp vào kế hoạch chung.

2. Chủ trì, phối hợp với chủ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng cơ chế, chính sách và hướng dẫn nghiệp vụ triển khai hoạt động của dự án thành phần cho các cơ quan thực hiện.

3. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí phân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của dự án đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; quyết toán kinh phí này theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với chủ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi dự án thành phần theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện dự án thành phần đúng định hướng, mục tiêu và hiệu quả đối với các cơ quan thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg.

6. Chủ trì, phối hợp với chủ chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 16, Điều 18 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg.

CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục I

ĐIỂM SỐ, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15
Chỉ tiêu 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ	4
	1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao (<i>Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật không giao được tính 01 điểm</i>)	1
	a) Ban hành đầy đủ, đúng tiến độ	1
	b) Ban hành đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc	0,5

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ	
	c) Không ban hành	0
	<p>2. Ban hành kế hoạch, văn bản khác triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên đúng yêu cầu, tiến độ</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số kế hoạch, văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra / Tổng số kế hoạch, văn bản khác được giao ban hành) x 100</i></p>	1
	3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác nêu trên	2
	a) Tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định	2
	b) Tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời hoặc không đúng quy định hoặc tổ chức thực hiện kịp thời nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chất lượng	1
	c) Không tổ chức thực hiện	0
Chỉ tiêu 2	An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm	6

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	<p>ché, có giảm so với năm trước</p> <p>1. Ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã</p> <p>2. Tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã</p> <p>3. Kiểm chế, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn</p> <p>4. Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá bị 0 điểm và còn bị trừ 0,25 điểm</p>	<p></p> <p>1</p> <p>2</p> <p>3</p> <p></p>
Chỉ tiêu 3	<p>Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước</p> <p>1. Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết</i></p>	<p>5</p> <p>3</p>

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	<i>theo thẩm quyền) x 100</i>	
	2. Về khiếu nại, tố cáo kéo dài	1
	a) Không có khiếu nại, tố cáo kéo dài	1
	b) Giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0,5
	c) Không giảm hoặc tăng khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0
	3. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân	1
	3.1. Bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định	0,5
	3.2. Kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được cấp xã giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật	0,5
Tiêu chí 2	Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	30
Chỉ tiêu 1	Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính	4
	1. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ theo quy định	2

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số thủ tục hành chính đã niêm yết công khai/Tổng số thủ tục hành chính phải niêm yết công khai) x 100</i>	
	2. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời theo quy định	1
	a) Niêm yết công khai thủ tục hành chính đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	1
	b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0,5
	c) Niêm yết công khai thủ tục hành chính sau 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0
	3. Thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định	1
	3.1. Niêm yết theo các hình thức quy định (bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...)	0,5
	3.2. Niêm yết tại địa điểm phù hợp, dễ tiếp cận	0,5
Chỉ tiêu 2	Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định	2
	1. Đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	a) Đảm bảo diện tích theo quy định	0,5
	b) Không đảm bảo diện tích theo quy định	0,25
	2. Đảm bảo trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5
	a) Đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,5
	b) Chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,25
	3. Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định	1
	4. Không bố trí, không đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm quy định tại điểm 1, 2, 3 của chỉ tiêu này bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
	Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định	10
Chỉ tiêu 3	Thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số lượt thủ tục hành chính đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số lượt thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết) x 100</i>	10
Chỉ tiêu 4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải	2

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	<p>quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định</p> <hr/> <p>Phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý đúng trình tự, thủ tục, thời hạn <i>(Trong năm đánh giá không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tính 02 điểm)</i></p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, giải quyết) x 100</i></p>	2
Chi tiêu 5	<p>Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính</p> <hr/> <p>1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng / Tổng số ý kiến được hỏi) x 100</i></p> <hr/> <p>2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng / Tổng số ý kiến được hỏi) x 100</i></p>	12
		7
		5

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
Tiêu chí 3	Phổ biến, giáo dục pháp luật	25
Chỉ tiêu 1	Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã	2
	1. Thực hiện công khai theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản đã thực hiện công khai/Tổng số văn bản theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai) x 100</i>	1
	2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn, hình thức theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai	1
	2.1. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn	0,5
	2.2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng hình thức	0,5

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
Chi tiêu 2	Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định	2
	Thực hiện cung cấp thông tin pháp luật qua các hình thức cung cấp thông tin theo quy định và qua hoạt động của người phát ngôn (<i>Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 02 điểm</i>) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin pháp luật đã cung cấp/Tổng số thông tin pháp luật có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2
Chi tiêu 3	Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên	2
	a) Lấy ý kiến Nhân dân đối với tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên	2
	b) Lấy ý kiến Nhân dân đối với một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	1
	c) Không tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong khi yêu cầu phải lấy ý kiến	0

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	<i>Trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tính 02 điểm</i>	
Chi tiêu 4	Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã	2
	a) Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bằng hình thức thích hợp	2
	b) Tổ chức quán triệt, phổ biến một số văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ công chức cấp xã	1
	c) Không tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã	0
Chi tiêu 5	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp	4
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục	0,5

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm	
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch đề ra	3,5
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	3,5
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0
Chỉ tiêu 6	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật	2
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp	0,5

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm	
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra	1,5
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0
Chỉ tiêu 7	Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã	6
	1. Xây dựng, thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh	2

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	cấp xã, loa truyền thanh cơ sở (cố định hoặc lưu động) hoặc thiết chế thông tin cơ sở phù hợp theo định kỳ	
	a) Thực hiện hàng tuần và nội dung thiết thực, đa dạng	2
	b) Thực hiện hàng tháng và nội dung thiết thực, đa dạng	1
	c) Thực hiện hàng quý và nội dung thiết thực, đa dạng	0,5
	d) Không thực hiện theo định kỳ và nội dung không thiết thực, đa dạng	0
	2. Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả Tủ sách pháp luật (truyền thống hoặc điện tử), Tủ sách cơ sở ở cấp xã theo quy định	3
	2.1. Bố trí địa điểm thuận tiện, phân công người phụ trách và quản lý, sử dụng Tủ sách theo quy định	0,5
	2.2. Định kỳ thực hiện rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu của Tủ sách theo quy định	0,5
	2.3. Sử dụng máy tính nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật cho Tủ sách pháp luật	1

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	2.4. Thực hiện thông tin, giới thiệu các sách, tài liệu mới, có nội dung thiết thực với Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; luân chuyển sách, tài liệu của Tủ sách với các mô hình tủ sách tự quản/thư viện/điểm bưu điện - văn hóa để Nhân dân tiếp cận sách, tài liệu được thuận tiện, kịp thời	0,5
	2.5. Xây dựng, duy trì một trong các mô hình Tủ sách/ngăn sách/túi sách pháp luật tại cộng đồng dân cư (Tủ sách của thôn, tổ dân phố; Tủ sách khu nhà trọ; Tủ sách quán cà phê...) trên địa bàn	0,5
	3. Khai thác, huy động hỗ trợ mạng lưới Câu lạc bộ tham gia phổ biến, cung cấp thông tin pháp luật cho người dân (Câu lạc bộ pháp luật; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh hoặc Câu lạc bộ khác)	1
	3.1. Hằng năm có định hướng nội dung khai thác, huy động mạng lưới Câu lạc bộ trong phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5
	3.2. Hằng năm có hỗ trợ hoạt động của Câu lạc bộ (kinh phí, tài liệu...), hỗ trợ sinh hoạt pháp luật định kỳ có hiệu quả, thiết thực	0,5

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
Chỉ tiêu 8	Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương	2
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật, lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân địa phương	2
	2. Không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
Chỉ tiêu 9	Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định	3
	1. Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	1
	2. Định mức kinh phí ngân sách bảo đảm hằng năm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kinh phí được cấp/Tổng số kinh phí đề xuất với các mức chi và nội dung chi theo quy định của pháp luật về tài chính để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt) x 100</i>	2
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
Tiêu chí 4	Hòa giải ở cơ sở	10
Chỉ tiêu 1	Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở	3
	1. Hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên <i>(Trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên được tính 01 điểm)</i>	1
	2. Hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định	0,5
	3. Hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở	0,5
	4. Hòa giải viên được bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã thực hiện	1
Chỉ tiêu	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải	4

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
2	kịp thời theo yêu cầu của các bên	
	<p>1. Các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải/Tổng số vụ, việc được tiếp nhận thuộc phạm vi hòa giải theo quy định) x 100</i></p>	2
	<p>2. Các vụ, việc hòa giải thành</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i></p>	2
Chỉ tiêu 3	Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định	3
	<p>1. Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở</p>	1
	<p>2. Hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên</p>	2
	<p>2.1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải</p>	1
	<p>a) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo đúng định mức quy định</p>	1

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	b) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo định mức thấp hơn định mức quy định	0,5
	2.2. Chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc	1
	a) Chi thù lao hòa giải viên cho tất cả vụ, việc hòa giải theo đúng định mức quy định	1
	b) Chi thù lao hòa giải viên cho một số vụ, việc hòa giải hoặc chi thù lao với định mức thấp hơn định mức quy định	0,5
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20
Chỉ tiêu 1	<p>Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3</p> <p><i>Tỷ lệ % = Tổng số nội dung đã công khai / Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế x 100</i></p>	4

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
Chỉ tiêu 2	<p>Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	4
Chỉ tiêu 3	<p>Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	4
Chỉ tiêu 4	<p>Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các</p>	4

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
	<p>nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được Nhân dân tham gia ý kiến/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải lấy ý kiến Nhân dân phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	
Chi tiêu 5	<p>Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	4

Phụ lục II

BIỂU MẪU THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Mẫu 01 - TCPL-II: Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ TỰ CHẤM ĐIỂM

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm số đánh giá	Ghi chú	Chữ ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15			
Chỉ tiêu 1	4			
1. Nội dung 1	1			

2. Nội dung 2	1			
3. Nội dung 3	2			
Chỉ tiêu 2	6			
1. Nội dung 1	1			
2. Nội dung 2	2			
3. Nội dung 3	3			
.....			
.....			
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20			
Chỉ tiêu 1	4			
Chỉ tiêu 2	4			

.....				
Tổng điểm		100			

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

(Ký, đóng dấu
và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(2) Ghi rõ nội dung tiêu chí, chỉ tiêu và nội dung cụ thể của từng chỉ tiêu theo Phụ lục I

(4) Ghi điểm số đạt được sau khi đã trừ điểm số bị trừ theo quy định (nếu có)

(5) Ghi số điểm bị trừ (nếu có) hoặc các nội dung khác

(6) Công chức cấp xã tổng hợp điểm số của từng chỉ tiêu, tiêu chí được giao quản lý, theo dõi và ký, ghi rõ họ tên

Mẫu 02 - TCPL-II: Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG

**Về chất lượng, thái độ phục vụ
khi thực hiện thủ tục hành chính**

Địa điểm (1):

.....

Tên thủ tục hành chính (2):

.....

Đề nghị tổ chức/cá nhân vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu “X” vào ô “□” lựa chọn đối với các câu hỏi dưới đây:

1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Hài lòng

Không hài lòng

2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách

nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Hài lòng

Không hài lòng

Người đánh giá (3)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)...

(2) Ghi rõ tên thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết. Ví dụ: Đăng ký khai sinh/Đăng ký kết hôn...

(3) Phần này không bắt buộc, có thể ghi hoặc không

Mẫu 03 - TCPL - II: Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG
Về chất lượng, thái độ phục vụ
khi thực hiện thủ tục hành chính

1. Tổng số lượt thủ tục hành chính đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá:.....
2. Tổng số ý kiến:
3. Kết quả tổng hợp:

Nội dung	Mức độ đánh giá				Ghi chú
	Hài lòng		Không hài lòng		
	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					

2. HÀi lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					
Kết quả trung bình về tỷ lệ % (*)					

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

NGƯỜI TỔNG HỢP

CHỦ TỊCH

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu
và ghi rõ họ tên)

(3) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (2)/Tổng số ý kiến x 100

(5) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (4)/Tổng số ý kiến x 100

(*) Tỷ lệ % trung bình = Tổng tỷ lệ % kết quả đánh giá sự hài lòng của 02 nội dung đánh tại cột (3) và cột (5)/2

Mẫu 04 - TCPL- II: Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN).... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
trên địa bàn xã (phường, thị trấn) ...**

I. Khái quát đặc điểm, tình hình

- Điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội, số lượng thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ dân phố; dân số; xã (phường, thị trấn) thuộc loại nào trong các xã (phường, thị trấn) theo quy định về phân loại đơn vị hành chính.

- Thuận lợi, khó khăn trong đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

II. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Kết quả đạt được

1.1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

1.2. Về đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật:

- Có .../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt từ 50% trở lên tổng số điểm tối đa

- Có .../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt dưới 50% tổng số điểm tối đa

- Tổng số điểm bị trừ: ... điểm

- Tổng số điểm đạt được của 5 tiêu chí: ... /100 điểm; số điểm sau khi làm tròn: ... điểm.

b) Đối chiếu với các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Điều kiện về tổng số điểm của từng tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm của các tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về cán bộ công chức cấp xã vi phạm kỷ luật theo quy định (nêu rõ các trường hợp vi phạm, hình thức bị kỷ luật..., đạt hay chưa đạt).

c) Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và kết quả cuộc họp Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ... tự đánh giá: **Đạt/Chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.**

2. Những tác động (tích cực, tiêu cực) của việc thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật (đối với việc cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân đối với thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tháo gỡ kịp thời mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn cấp xã).

3. Thuận lợi, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Sáng kiến, kinh nghiệm trong thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

IV. Giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật cho người dân

(Phần này nêu giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các tiêu chí, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm sau).

V. Kiến nghị, đề xuất

Đưa ra kiến nghị, đề xuất phù hợp với đặc thù địa phương về nhận thức, thể chế, chính sách; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện; các điều kiện bảo đảm thực hiện và các vấn đề khác có liên quan đến xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đối với Ủy ban nhân dân cấp trên; với các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Nơi nhận:

- UBND huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....;
-
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Họ và tên

Mẫu 05 - TCPL-II: Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ (PHƯỜNG,

THỊ TRẤN)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị công nhận
cấp xã đạt chuẩn tiếp cận
pháp luật năm...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ kết quả cuộc họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm....của UBND xã;

Căn cứ....,

UBND xã kính đề nghị UBND huyện, tỉnh.....xem xét, quyết định công nhận Ủy ban nhân dân xã..... đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm.....

Hồ sơ kèm theo gồm có:

1. Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm.
3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân;
4. Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã.
5. Tài liệu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký tên và đóng dấu)

Họ và tên

Mẫu 06 - TCPL-II: Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH)...

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Số: .../BB-HĐTCPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

Thời gian: ... giờ ... ngày...tháng...năm ...

Địa điểm:.....

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố ...).....tiến hành họp để xem xét, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật năm

I. Thành phần tham dự

Hội đồng có.....thành viên tham dự (vắng ...), bao gồm:

- Đồng chí: ... Chủ trì cuộc họp;
- Đồng chí ... Thư ký cuộc họp;
- Các Ủy viên:người.

II. Nội dung cuộc họp

1. Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Hội đồng thảo luận, có ý kiến tư vấn về những nội dung sau:

- Kết quả tự đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình và Phòng Tư pháp tiếp nhận, tổng hợp;

- Đề xuất sáng kiến, giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

- Các nội dung, vấn đề khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định.

2. Ý kiến tư vấn của thành viên Hội đồng (ghi đầy đủ, cụ thể các ý kiến của thành viên Hội đồng tham dự họp)

3. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng

Căn cứ vào kết quả thảo luận của các thành viên Hội đồng và ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có), Chủ tịch Hội đồng có ý kiến:

- *Thể hiện ý kiến về các nội dung, vấn đề thuộc trách nhiệm của thành viên Hội đồng;*

- *Giao Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và các tài liệu có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.*

4. Kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến

Nêu rõ có ... thành viên/...tổng số thành viên Hội đồng nhất trí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ngày ... tháng ... năm....

Biên bản này được lập thành ... bản, gửi.... và lưu giữ tại...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 07 - TCPL II: Danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH...)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG TƯ PHÁP

**DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*)**

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại I (**)							
1							
2							
....								
II	Loại II (***)							
3								
4								

....								
III	Loại III (****)							
.....								
.....								

Nơi nhận:

-

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg

(**), (***), (****) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(3) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

Mẫu 08 - TCPL - II: Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm.....

PHÒNG TƯ PHÁP

**DANH SÁCH CẤP XÃ
CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*)**

ST T	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)	Cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Loại I (**)								
1								
2								
....									
II	Loại II (***)								
3									
4									
....									

III	Loại III (****)							
.....								
.....								

Nơi nhận:

-.....

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg

(**), (***), (****) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(4) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

(10) Đánh dấu “X” nếu trong năm đánh giá có cán bộ, công chức bị xử lý kỉ luật theo quy định

Mẫu 09 -TCPL-II: Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH)....**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-UBND

..., ngày ...tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận (xã, phường, thị trấn)
đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH...)....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm ... ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ... xã, phường, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm....

Điều 2.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục III
BIỂU MẪU
VỀ HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-UBND

....., ngày tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật
huyện (quận)...**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN)...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội

đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Kế hoạch số .../KH-UBND ngày ... tháng... năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện (quận) về việc triển khai thực hiện Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện (quận);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số.../TTr-TP ngày ... tháng... năm ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...) (sau đây gọi tắt là Hội đồng), gồm các ông, bà có tên sau đây:

.....

Điều 2. Nhiệm vụ của Hội đồng

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Điều 6. Trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều...;

-;

- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2. Mẫu Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

(QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ...)

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Số: .../QĐ-HĐTCPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố)...

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành

phố...) về việc thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố...);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...).

Điều 2.

Điều 3. /.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ...)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

**của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật
huyện (quận, thị xã, thành phố...)**

*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-HĐTCPL ngày .../.../...
của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện
(quận, thị xã, thành phố...))*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc và phương thức hoạt động của Hội đồng

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng

Điều 4. Trách nhiệm của Phó Chủ tịch Hội đồng

Điều 5. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 6. Chế độ họp Hội đồng

Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Điều 8. Kinh phí hoạt động của Hội đồng

Điều 9. Tổ chức thực hiện.

T.M HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

DANH MỤC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Quyết định số 14/2017/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về bãi bỏ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

2. Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3. Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

5. Quyết định số 699/QĐ-BTP ngày 22/5/2017 của

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

II. VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRONG NÔNG THÔN MỚI

1. Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

2. Nghị quyết liên tịch số 88/NQLT/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 07/10/2016 của Chính phủ và Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

3. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

4. Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

6. Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương

đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

7. Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

8. Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

9. Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

10. Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2017 của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

11. Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

12. Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI GIỚI THIỆU	5
Phần thứ nhất	
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	
	7
I. Mục tiêu, vai trò của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	7
II. Nguyên tắc thực hiện	9
III. Tổng quát về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	9
Phần thứ hai	
HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	
	17
I. Chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	17
II. Điều kiện, thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	98
III. Thời hạn đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	100
IV. Quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	102
V. Hướng dẫn một số nội dung liên quan đến tổ chức đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	123

Phần thứ ba

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

	129
I. Vai trò, chức năng của Hội đồng	129
II. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng và thành viên Hội đồng	129
III. Thành lập, hoạt động của Hội đồng	132
IV. Quan hệ công tác giữa Hội đồng, thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp	137
V. Kinh phí hoạt động của Hội đồng	137

Phần thứ tư

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

	139
I. Phạm vi, nội dung quản lý nhà nước	139
II. Nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của các bộ, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp	139
III. Tổ chức thực hiện	148

Phần thứ năm

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN 18.5 VỀ “XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT” TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

	153
I. Vị trí, vai trò của xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới	153

II. Yêu cầu xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới	156
III. Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới	157
IV. Trách nhiệm của Sở Tư pháp	160
<i>Các Phụ lục</i>	
<i>Phụ lục I.</i> Điểm số, hướng dẫn chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	162
<i>Phụ lục II.</i> Biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	182
<i>Phụ lục III.</i> Biểu mẫu về Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật	203
<i>Phụ lục IV.</i> Danh mục văn bản liên quan đến xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	209



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

Trụ sở đăng ký: 58 - 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Trụ sở chính: 35 Trần Quốc Toản, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phát hành tại Hà Nội: Điện thoại 024.62632078 - 024.62632079 - Fax: 024.62632080

Phát hành tại TP. HCM: 200C Võ Văn Tần, P. 5, Q. 3, TP. HCM

Điện thoại: 0996529999 - Email: phupn@moj.gov.vn

Email: nxbtp@moj.gov.vn - Website: <http://nxbtp.moj.gov.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: ThS. ĐÀM VĂN TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng Biên tập: TS. TRẦN MẠNH ĐẠT

Biên tập

LÊ DIỆU HƯƠNG

Biên tập mỹ thuật

ĐỖ THỊ KIM OANH

Trình bày

PHẠM VIỆT HÀ

Sửa bản in

LÊ DIỆU HƯƠNG

Đối tác liên kết xuất bản: Văn phòng Bộ Tư pháp

Số 58 - 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

In 4.000 bản, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ mới (Số 181 Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội - Xưởng sản xuất: Lô A2, đường CN9, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội). Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4500-2017/CXBIPH/02-351/TP được Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký ngày 11/12/2017. Quyết định xuất bản số 160/QĐ-NXBTP ngày 20/12/2017 của Giám đốc Nhà xuất bản Tư pháp. In xong, nộp lưu chiểu Quy I/2018.

ISBN: 978-604-81-1144-1

